

BỘ TÀI CHÍNH**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****Số: 62/2007/TT-BTC****Hà Nội, ngày 14 tháng 6 năm 2007****THÔNG TƯ**

**hướng dẫn thi hành Nghị định số 97/2007/NĐ-CP
ngày 07 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định việc xử lý
vi phạm hành chính và cưỡng chế thi hành quyết định
hành chính trong lĩnh vực hải quan**

Căn cứ Luật hải quan ngày 29 tháng 6 năm 2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật hải quan ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật quản lý thuế ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Căn cứ Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính số 44/2002/PL-UBTVQH10 ngày 02 tháng 7 năm 2002 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Nghị định số 134/2003/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2002;

Căn cứ Nghị định số 37/2005/NĐ-CP ngày 18 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ quy định thủ tục áp dụng các biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 97/2007/NĐ-CP

ngày 07 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định việc xử lý vi phạm hành chính và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính trong lĩnh vực hải quan;

Căn cứ Nghị định số 98/2007/NĐ-CP ngày 07 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định về xử lý vi phạm pháp luật về thuế và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế;

Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện việc xử lý vi phạm hành chính và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính trong lĩnh vực hải quan như sau:

Phần I**XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH
VỀ HẢI QUAN****I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG****1. Vi phạm hành chính trong lĩnh vực**

hải quan là hành vi do cá nhân, tổ chức thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý vi phạm các quy định quản lý nhà nước về hải quan (bao gồm cả thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu) chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự và theo quy định của Nghị định số 97/2007/NĐ-CP ngày 07 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định việc xử lý vi phạm hành chính và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính trong lĩnh vực hải quan (sau đây gọi tắt là Nghị định số 97/2007/NĐ-CP) phải bị xử phạt vi phạm hành chính về hải quan.

2. Việc áp dụng các quy định của Nghị định số 97/2007/NĐ-CP để xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan được thực hiện theo quy định tại Điều 80 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và khoản 3 Điều 55 Nghị định số 97/2007/NĐ-CP.

3. Việc xử phạt vi phạm hành chính, áp dụng các hình thức xử phạt và các biện pháp khắc phục hậu quả, áp dụng các biện pháp ngăn chặn vi phạm hành chính và bảo đảm việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan phải tuân thủ các nguyên tắc, trình tự, thủ tục và thẩm quyền quy định tại Luật quản lý thuế, Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính, Nghị định số 134/2003/NĐ-CP ngày 14/11/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp

lệnh xử lý vi phạm hành chính và Nghị định số 97/2007/NĐ-CP.

4. Người khai hải quan, người nộp thuế có đầy đủ các quyền, nghĩa vụ quy định tại khoản 4 Điều 11 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật hải quan và Điều 6, Điều 7 Luật quản lý thuế và có quyền đề nghị cơ quan hải quan cung cấp thông tin, hướng dẫn, hỗ trợ việc kê khai, làm thủ tục hải quan và thủ tục về thuế theo đúng quy định pháp luật.

Cơ quan hải quan có nghĩa vụ giải thích, hướng dẫn, hỗ trợ người khai hải quan, người nộp thuế thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Trường hợp người khai hải quan, người nộp thuế không thực hiện các quyền của mình dẫn đến có hành vi vi phạm thì bị xử phạt theo quy định của Nghị định này và pháp luật có liên quan.

5. Áp dụng các nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính

a) Cá nhân, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm các quy định quản lý nhà nước về hải quan thì bị xử phạt theo quy định tại Nghị định số 97/2007/NĐ-CP hoặc các Nghị định của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính liên quan đến lĩnh vực hải quan. Cá nhân, tổ chức đã thực hiện hành vi vi phạm hành chính mà từ chối nhận hàng thì vẫn phải chịu trách

nhiệm đối với hành vi vi phạm do mình thực hiện;

b) Trường hợp hành vi vi phạm trong lĩnh vực hải quan là hệ quả của một hành vi vi phạm khác trong cùng lĩnh vực hải quan thì chỉ xử phạt đối với hành vi vi phạm có chế tài xử phạt nặng hơn;

c) Một hành vi vi phạm do cùng một cá nhân, tổ chức thực hiện ở cùng một thời điểm trên nhiều tờ khai, hợp đồng thì chỉ xử phạt một lần; đồng thời áp dụng tình tiết tăng nặng “vi phạm nhiều lần trong cùng lĩnh vực”;

d) Trường hợp đã bị xử phạt về một hành vi vi phạm, nhưng chưa hết một năm kể từ ngày chấp hành xong quyết định xử phạt hoặc kể từ ngày hết thời hiệu thi hành quyết định xử phạt mà lại tiếp tục thực hiện hành vi vi phạm ở lô hàng khác thì áp dụng tình tiết tăng nặng là tái phạm theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Nghị định 134/2003/NĐ-CP ngày 14/11/2003 khi ra quyết định xử phạt;

đ) Vi phạm lần đầu trong lĩnh vực hải quan nêu tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 97/2007/NĐ-CP là trường hợp cá nhân, tổ chức trước đó chưa bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan hoặc bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan nhưng đã qua một năm kể từ ngày chấp hành xong quyết định xử

phạt hoặc từ ngày hết thời hiệu thi hành quyết định xử phạt mà không tái phạm.

6. Trường hợp không xử phạt vi phạm hành chính về hải quan theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 97/2007/NĐ-CP:

a) Hàng hóa, phương tiện vận tải đưa vào Việt Nam do bị hỏa hoạn, thiên tai, dịch họa, sự kiện bất ngờ, trong tình thế cấp thiết phải khai và đã thực hiện khai với cơ quan hải quan, cơ quan có thẩm quyền khác hoặc chính quyền địa phương theo quy định của pháp luật;

Trường hợp không khai sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành;

b) Việc thông báo nhầm lẫn quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định số 97/2007/NĐ-CP phải được người gửi hàng, người nhận hàng hoặc người đại diện hợp pháp thực hiện bằng văn bản, nêu rõ lý do gửi cho cơ quan hải quan kèm theo các chứng từ liên quan đến việc nhầm lẫn trước thời điểm cơ quan hải quan kiểm tra thực tế hàng hóa hoặc quyết định miễn kiểm tra thực tế hàng hóa; được Thủ trưởng cơ quan hải quan nơi tiếp nhận và xử lý hồ sơ hải quan chấp nhận;

Trường hợp có căn cứ xác định có sự thông đồng giữa người gửi hàng, người nhận hàng và/hoặc người vận chuyển để vận chuyển trái phép hoặc buôn lậu thì cơ quan hải quan có quyền từ chối chấp nhận nhầm lẫn;

c) Quy định tại điểm b khoản 4 Điều 7 Nghị định số 97/2007/NĐ-CP bao gồm các trường hợp sau:

- Người khai hải quan, người nộp thuế tự phát hiện những sai sót trong hồ sơ hải quan và khai bổ sung trong thời hạn quy định;

- Người khai hải quan, người nộp thuế kiểm tra lại việc tính thuế và khai bổ sung trong thời hạn quy định sau khi nhận được yêu cầu của cơ quan hải quan;

d) Các trường hợp quy định tại khoản 5, 6 và 8 Điều 7 Nghị định số 97/2007/NĐ-CP:

- Tại thời điểm phát hiện hành vi vi phạm đã đủ cơ sở xác định thuộc trường hợp không xử phạt thì người có thẩm quyền xử phạt chỉ lập biên bản chứng nhận lưu hồ sơ;

- Nếu chưa đủ cơ sở xác định hành vi vi phạm có thuộc trường hợp không xử phạt hay không thì người có thẩm quyền xử phạt lập biên bản vi phạm hành chính về hải quan; trên cơ sở hồ sơ hải quan, tài liệu có liên quan, biên bản vi phạm hành chính về hải quan để ra quyết định về việc không xử phạt;

đ) Trường hợp quy định tại khoản 7 Điều 7 Nghị định:

Người khai hải quan khai sai mã số, thuế suất lần đầu, cơ quan Hải quan

hướng dẫn để khai lại mã số, thuế suất cho chính xác, lập biên bản chứng nhận và không xử phạt;

Việc khai sai mã số, thuế suất được coi là lần đầu khi đáp ứng các điều kiện:

- Trong thời hạn một năm (tính đến ngày đăng ký tờ khai hải quan xuất, nhập khẩu lô hàng khai sai mã số, thuế suất) cá nhân, tổ chức chưa xuất, nhập khẩu mặt hàng đó; hoặc đã xuất, nhập khẩu mặt hàng đó nhưng khai mã số, thuế suất chưa đúng và chưa được phát hiện;

- Cá nhân, tổ chức đã bị xử phạt về hành vi khai sai mã số, thuế suất của mặt hàng đó nhưng đã qua một năm kể từ ngày chấp hành xong quyết định xử phạt hoặc kể từ ngày hết thời hiệu thi hành quyết định xử phạt mà không tái phạm;

- Chưa được cơ quan Hải quan hướng dẫn khai mã số, thuế suất mặt hàng này hoặc đã hướng dẫn nhưng chưa đúng.

7. Cách xác định trị giá tang vật, phương tiện vi phạm

Đối với tang vật, phương tiện vi phạm bị tịch thu thì trị giá xác định theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 134/2003/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2003, hướng dẫn tại Thông tư số 13/2007/TT-BTC ngày 06 tháng 3 năm 2007 và Thông tư số 34/2005/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2005 của Bộ Tài chính;

Đối với tang vật, phương tiện không

bị tịch thu thì trị giá tang vật, phương tiện vi phạm là trị giá tính thuế, được xác định theo các quy định hiện hành về xác định giá tính thuế ở thời điểm lập biên bản vi phạm; nếu là ngoại hối thì tỷ giá được xác định theo hướng dẫn của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 149/2005/NĐ-CP ngày 8/12/2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

8. Đối với hành vi vi phạm không bị áp dụng hình thức phạt bổ sung tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm và các biện pháp khắc phục hậu quả thì hàng hóa, phương tiện vi phạm được tiếp tục làm thủ tục hải quan theo quy định pháp luật nếu cá nhân, tổ chức vi phạm đã nộp đủ tiền phạt hoặc được Tổ chức tín dụng, tổ chức khác hoạt động theo Luật các tổ chức tín dụng bảo lãnh đối với số tiền phải nộp để thực hiện quyết định xử phạt; hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế thì phải nộp đủ các loại thuế và nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.

9. Trường hợp quá thời hiệu xử phạt quy định tại Điều 5 Nghị định số 97/2007/NĐ-CP thì không xử phạt nhưng vẫn phải áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm đó (nếu có), trường hợp tang vật vi phạm thuộc đối tượng chịu thuế thì phải nộp đủ thuế và các nghĩa vụ tài chính theo quy định.

10. Cách tính thời hạn, thời hiệu

a) Thời hạn, thời hiệu trong Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính quy định theo tháng hoặc theo năm thì khoảng thời gian đó được tính theo tháng, năm dương lịch, bao gồm cả ngày nghỉ theo quy định của Bộ luật Lao động.

b) Thời hạn trong Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính quy định theo ngày thì khoảng thời gian đó được tính theo ngày làm việc, không bao gồm ngày nghỉ theo quy định của Bộ luật Lao động.

II. ÁP DỤNG CÁC HÌNH THỨC XỬ PHẠT VÀ MỨC PHẠT

1. Các hình thức xử phạt vi phạm hành chính và các biện pháp khắc phục hậu quả

a) Cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm hành chính về hải quan phải chịu một trong các hình thức xử phạt chính là: cảnh cáo hoặc phạt tiền.

Cảnh cáo: áp dụng đối với cá nhân, tổ chức vi phạm lần đầu, có tình tiết giảm nhẹ, được quy định tại khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9, khoản 3 Điều 19 Nghị định số 97/2007/NĐ-CP hoặc đối với mọi hành vi vi phạm hành chính do người chưa thành niên từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi thực hiện.

Phạt tiền: thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 6 Nghị định 97/2007/NĐ-CP.

b) Ngoài hình thức xử phạt chính, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm; cá nhân, tổ chức có thể còn bị áp dụng một hoặc các hình thức xử phạt bổ sung sau:

- Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề;

- Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính.

c) Ngoài các hình thức xử phạt chính, xử phạt bổ sung nêu trên; cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm hành chính còn có thể bị áp dụng một hoặc các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Nghị định số 97/2007/NĐ-CP, gồm:

- Buộc tiêu hủy tang vật, phương tiện vi phạm là văn hóa phẩm độc hại, hàng hóa gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi và cây trồng;

- Buộc đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam hoặc buộc tái xuất hàng hóa, phương tiện vi phạm tại cửa khẩu nhập;

- Buộc nộp lại số tiền bằng trị giá tang vật, phương tiện vi phạm đã tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái với quy định của pháp luật.

Tổ chức, cá nhân vi phạm phải chịu mọi chi phí để thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả.

Các hình thức xử phạt bổ sung và các biện pháp khắc phục hậu quả nêu trên được áp dụng kèm theo hình thức phạt chính, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Đối với vi phạm quy định tại Điều 8 Nghị định số 97/2007/NĐ-CP

a) Thời hạn làm thủ tục hải quan tại điểm a khoản 1 Điều 8 Nghị định số 97/2007/NĐ-CP là thời hạn quy định tại Điều 18 Luật Hải quan và các văn bản quy phạm pháp luật có quy định về thời hạn làm thủ tục hải quan đối với từng loại hình xuất khẩu, nhập khẩu;

b) Khai bổ sung hồ sơ khai thuế tại điểm c khoản 1 Điều 8 bao gồm các trường hợp:

- Người khai hải quan, người nộp thuế tự phát hiện những sai sót trong hồ sơ hải quan và bổ sung hồ sơ khi quá 60 ngày, kể từ ngày đăng ký tờ khai hải quan trước thời điểm cơ quan hải quan kiểm tra, phát hiện;

- Sau khi nhận được yêu cầu của cơ quan hải quan, người khai hải quan, người nộp thuế kiểm tra lại việc tính thuế và khai bổ sung khi quá 60 ngày, kể từ ngày đăng ký tờ khai hải quan trước thời điểm cơ quan hải quan kiểm tra, phát hiện.

c) Chi xử phạt hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 2 Điều 8 Nghị định số 97/2007/NĐ-CP nếu trong giấy phép,

tờ khai hải quan hoặc các giấy tờ khác theo quy định của pháp luật có quy định thời gian phải tái nhập hoặc tái xuất.

d) Thời hạn tại điểm c khoản 2 Điều 8 là thời hạn thanh khoản hợp đồng, tờ khai hoặc hàng hóa, bao gồm cả thời hạn giải quyết nguyên vật liệu dư thừa sau khi kết thúc hợp đồng gia công quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật về hải quan.

3. Đối với vi phạm quy định tại Điều 9 Nghị định số 97/2007/NĐ-CP

a) Trường hợp nhập khẩu hàng hóa, vật phẩm không đúng với khai hải quan mà việc làm thủ tục hải quan do doanh nghiệp bưu chính, chuyển phát nhanh thay mặt chủ hàng thực hiện theo quy định của pháp luật, nếu không có căn cứ xác định có sự thông đồng giữa người gửi hàng, người nhận hàng và người làm thủ tục hải quan nhằm mục đích gian lận thì không xử phạt;

b) Đối với hành vi không khai hoặc khai sai nhưng hàng hóa thuộc danh mục hàng viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại đã được Bộ Tài chính hoặc cơ quan do Bộ Tài chính ủy quyền xác nhận thì xử phạt theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 9 Nghị định số 97/2007/NĐ-CP;

Trường hợp hàng hóa không thuộc danh mục đã được xác nhận của cơ quan

có thẩm quyền thì xử phạt theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 9 Nghị định số 97/2007/NĐ-CP;

c) Trường hợp nhập khẩu không đúng với khai hải quan nhưng hàng hóa là nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị, linh kiện nhập khẩu thuộc diện miễn thuế như: hàng hóa thuộc hợp đồng gia công đã đăng ký, hàng hóa thuộc danh mục miễn thuế của dự án đầu tư thì xử phạt theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 9 Nghị định, trừ lùi vào hợp đồng hoặc danh mục đã đăng ký; trường hợp hàng hóa không thuộc diện miễn thuế thì xử phạt theo quy định tại khoản 4 Điều 9 Nghị định số 97/2007/NĐ-CP;

d) Quy định tại điểm a khoản 3 Điều 9 Nghị định số 97/2007/NĐ-CP được áp dụng đối với trường hợp khai và làm thủ tục hải quan nhưng không xuất khẩu hoặc xuất khẩu thiếu so với khai hải quan. Quy định này không áp dụng đối với trường hợp tờ khai hải quan không có giá trị làm thủ tục hải quan theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Luật hải quan;

Trường hợp hàng hóa tạm xuất, tái xuất thiếu so với khai báo hải quan thì không xử phạt theo quy định tại điểm này mà tùy theo từng trường hợp cụ thể để xử phạt theo điểm c khoản 2 hoặc khoản 4 Điều 9 Nghị định số 97/2007/NĐ-CP.

đ) Quy định tại điểm b khoản 3 Điều 9 được áp dụng trong trường hợp việc khai sai các tiêu chí trong hồ sơ thanh khoản hàng hóa của doanh nghiệp chế xuất, kho bảo thuế và các doanh nghiệp khác trong khu phi thuế quan làm sai lệch số lượng, trọng lượng, chủng loại, trị giá hàng hóa được thanh khoản;

e) Việc xử phạt theo quy định tại khoản 4 Điều 9 được áp dụng đối với các hành vi vi phạm thuộc các loại hình xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa dẫn đến làm thiếu số thuế phải nộp, tăng số thuế được miễn, giảm, hoàn, không thu;

g) Vi phạm quy định tại điểm a khoản 4 Điều 9 Nghị định số 97/2007/NĐ-CP mà nội dung khai sai là hệ quả của các hành vi vi phạm nêu tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 97/2007/NĐ-CP thì xử phạt theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 97/2007/NĐ-CP;

h) Đối với hành vi không khai hoặc khai sai về tên hàng, chủng loại, số lượng, trọng lượng, chất lượng, trị giá, mã số hàng hóa, thuế suất, xuất xứ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu cần kiểm tra xác minh để làm rõ; nếu không thuộc các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 97/2007/NĐ-CP thì tùy từng trường hợp cụ thể mà xử phạt theo quy định tại điểm b hoặc điểm d khoản 4 Điều 9 Nghị định số 97/2007/NĐ-CP;

i) Vi phạm quy định tại điểm c khoản 4 Điều 9 Nghị định số 97/2007/NĐ-CP mà số nguyên vật liệu chênh lệch đã tiêu thụ tại thị trường trong nước thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà xử phạt theo quy định tại điểm h khoản 1, khoản 2 Điều 14 Nghị định số 97/2007/NĐ-CP;

k) Đối với hành vi khai nhiều hơn so với thực tế hàng hóa xuất khẩu là sản phẩm gia công, sản phẩm sản xuất từ nguyên liệu nhập khẩu (bao gồm cả nguyên vật liệu gia công tái xuất) về chủng loại, số lượng, trọng lượng dẫn đến số thuế chênh lệch dưới 50 triệu đồng thì xử phạt theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 9 Nghị định số 97/2007/NĐ-CP.

4. Đối với vi phạm quy định tại Điều 10 Nghị định số 97/2007/NĐ-CP

a) Các hành vi vi phạm quy định tại Điều 10 Nghị định số 97/2007/NĐ-CP áp dụng đối với trường hợp người xuất cảnh, nhập cảnh bằng hộ chiếu, giấy thông hành mang theo ngoại tệ, tiền Việt Nam bằng tiền mặt hoặc vàng dạng khối, thỏi, hạt, miếng vi phạm các quy định về khai hải quan khi làm thủ tục xuất cảnh, nhập cảnh. Các trường hợp mang ngoại tệ, tiền Việt Nam bằng tiền mặt hoặc vàng trái phép khác qua biên giới thì bị xử phạt theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 97/2007/NĐ-CP.

b) Trị giá tang vật vi phạm là trị giá sau khi đã trừ đi trị giá ngoại tệ, vàng, tiền Việt Nam không phải khai hải quan theo quy định của pháp luật.

c) Trường hợp người xuất cảnh, nhập cảnh mang vàng trang sức vi phạm quy định về khai hải quan thì xử phạt như đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu khác.

5. Đối với vi phạm quy định tại Điều 11 và Điều 12 Nghị định số 97/2007/NĐ-CP

a) Điểm d khoản 1 Điều 11 Nghị định số 97/2007/NĐ-CP được áp dụng đối với trường hợp không thực hiện những nội dung mà cơ quan hải quan yêu cầu theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật liên quan để kiểm tra, thanh tra thuế;

b) Quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 11 Nghị định số 97/2007/NĐ-CP được áp dụng đối với trường hợp văn bản quy phạm pháp luật có quy định việc lưu mẫu, lưu hồ sơ, chứng từ;

c) Khi phát hiện hành vi quy định tại khoản 3 Điều 11 Nghị định số 97/2007/NĐ-CP thì phải lập biên bản thu giữ niêm phong hải quan hoặc giấy tờ thuộc hồ sơ hải quan bị giả mạo. Trường hợp các giấy tờ này là giấy phép thì thông báo bằng văn bản cho cơ quan cấp phép biết;

d) Quy định tại điểm b khoản 2 Điều 12 Nghị định số 97/2007/NĐ-CP chỉ áp dụng đối với trường hợp tang vật vi phạm chưa bị tẩu tán, tiêu thụ. Trường hợp tang vật vi phạm không còn thì bị xử phạt theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 12 Nghị định số 97/2007/NĐ-CP.

6. Đối với vi phạm quy định tại Điều 13 Nghị định số 97/2007/NĐ-CP

Hành vi vi phạm quy định tại điểm c và d khoản 1 Điều 13 Nghị định số 97/2007/NĐ-CP do người dưới 14 tuổi thực hiện thì lập biên bản chứng nhận, ra quyết định tịch thu hoặc tiêu hủy tang vật.

7. Đối với vi phạm quy định tại Điều 14 Nghị định số 97/2007/NĐ-CP

a) Chứng từ, tài liệu nêu tại điểm a khoản 1 Điều 14 bao gồm các chứng từ, tài liệu nộp hoặc xuất trình cho cơ quan hải quan trong quá trình làm thủ tục hải quan và sau khi thông quan làm căn cứ xác định hoặc chứng minh số thuế phải nộp;

b) “Lần nhập khẩu trước” nêu tại điểm b khoản 1 Điều 14 Nghị định số 97/2007/NĐ-CP được xác định trong khoảng thời gian một năm (365 ngày) trước thời điểm vi phạm;

c) Đối với hành vi không khai hoặc khai sai về tên hàng, chủng loại, số lượng, trọng lượng, chất lượng, trị giá, mã số hàng hóa, thuế suất, xuất xứ hàng hóa

xuất khẩu, nhập khẩu: Trường hợp phát hiện sau khi hàng hóa đã thông quan, quá thời hạn 10 ngày, kể từ ngày lập biên bản vi phạm mà người vi phạm chưa nộp đủ thuế theo quy định thì xử phạt theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 14 Nghị định số 97/2007/NĐ-CP;

d) Quy định tại điểm d khoản 1 Điều 14 áp dụng trong trường hợp tại thời điểm cơ quan Hải quan kiểm tra, lượng hàng hóa không còn hoặc còn lại ít hơn so với báo cáo thanh khoản hoặc sổ sách của doanh nghiệp;

đ) Đối với hành vi khai khống hàng hóa xuất khẩu là sản phẩm gia công, sản phẩm sản xuất từ nguyên liệu nhập khẩu:

- Trường hợp làm thủ tục xuất khẩu nhưng không xuất khẩu thì xử phạt theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 14 Nghị định số 97/2007/NĐ-CP. Quy định này không áp dụng đối với trường hợp tờ khai hải quan không có giá trị làm thủ tục hải quan theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Luật Hải quan;

- Trường hợp khai nhiều hơn so với thực tế hàng hóa xuất khẩu về chủng loại, số lượng, trọng lượng dẫn đến số thuế chênh lệch từ 50 triệu đồng trở lên mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự thì xử phạt theo quy định tại điểm e

khoản 1 Điều 14 Nghị định số 97/2007/NĐ-CP.

e) Hành vi nêu tại điểm m khoản 1 Điều 14 Nghị định được áp dụng khi cơ quan hải quan có đủ căn cứ xác định người nộp thuế biết rõ hàng hóa thực xuất khẩu, thực nhập khẩu mà không khai hoặc khai sai để trốn thuế;

g) Cách tính chênh lệch thuế và áp dụng mức phạt đối với hành vi trốn thuế, gian lận thuế:

Số thuế chênh lệch là số thuế phải nộp của mặt hàng thực xuất khẩu, nhập khẩu, trừ đi số thuế mà chủ hàng đã khai báo trên tờ khai hải quan.

Khi xem xét để quyết định xử phạt hành vi trốn thuế, nếu xét thấy hành vi vi phạm có dấu hiệu tội phạm theo quy định tại Điều 161 Bộ luật Hình sự thì người có thẩm quyền phải chuyển ngay hồ sơ cho cơ quan tiến hành tố tụng hình sự có thẩm quyền.

8. Đối với vi phạm liên quan đến giấy phép, điều kiện xuất khẩu, nhập khẩu

a) Giấy phép, điều kiện, tiêu chuẩn kỹ thuật nêu tại Điều 16 Nghị định số 97/2007/NĐ-CP là giấy phép, điều kiện, tiêu chuẩn kỹ thuật quy định tại Nghị định số 12/2006/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2006 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn thi hành;

b) Trường hợp hàng hóa thuộc danh mục nhập khẩu phải có giấy phép của Bộ Thương mại hoặc quản lý của các Bộ chuyên ngành (không thuộc danh mục cấm nhập khẩu), chưa quá thời hạn làm thủ tục hải quan nhưng chủ hàng không làm thủ tục nhập khẩu mà xin tái xuất thì không xử phạt;

c) Trường hợp nhập khẩu hàng hóa, vật phẩm vi phạm quy định tại Điều 16 Nghị định số 97/2007/NĐ-CP nhưng do doanh nghiệp bưu chính, chuyển phát nhanh thay mặt chủ hàng làm thủ tục hải quan theo quy định của pháp luật, nếu người nhận hàng từ chối nhận và không có căn cứ xác định việc đưa hàng hóa vào Việt Nam theo yêu cầu của người nhận hàng thì không xử phạt người nhận hàng. Tang vật vi phạm giải quyết theo quy định tại khoản 2 Điều 35 Nghị định số 97/2007/NĐ-CP;

d) Biện pháp buộc tái xuất hoặc buộc đưa hàng hóa ra khỏi Việt Nam phải được thực hiện ngay tại cửa khẩu nhập;

đ) Chỉ áp dụng hình thức phạt bổ sung tước quyền sử dụng giấy phép đối với giấy phép liên quan trực tiếp đến hàng hóa là tang vật vi phạm.

Trường hợp tước quyền sử dụng giấy phép do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền khác cấp, trong thời hạn 05 (năm) ngày kể từ ngày ra quyết định xử phạt, cơ quan

hải quan thông báo bằng văn bản cho cơ quan đó biết về việc xử lý của mình.

9. Đối với vi phạm quy định về kho ngoại quan, kho bảo thuế

Trường hợp hợp đồng thuê kho ngoại quan hết hạn mà chủ hàng không làm thủ tục gia hạn hợp đồng thuê kho theo quy định của pháp luật, không thông báo với cơ quan hải quan, không đưa hàng ra khỏi kho ngoại quan thì bị xử phạt theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Nghị định số 97/2007/NĐ-CP, hàng hóa sẽ bị xử lý theo quy định tại khoản 4 Điều 24 Nghị định số 154/2005/NĐ-CP ngày 15/12/2005.

10. Đối với vi phạm của Kho bạc nhà nước, Ngân hàng Thương mại, tổ chức tín dụng khác và tổ chức, cá nhân có liên quan

a) Khoản 1 Điều 19 Nghị định số 97/2007/NĐ-CP được áp dụng đối với trường hợp quá 10 ngày kể từ ngày hết thời hạn trích tiền từ tài khoản mà Kho bạc Nhà nước, Ngân hàng Thương mại, tổ chức tín dụng khác không thực hiện trích, chuyển toàn bộ hoặc một phần tương ứng số tiền phải nộp từ tài khoản của tổ chức, cá nhân bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính vào tài khoản thu Ngân sách Nhà nước hoặc tài khoản tạm giữ của cơ quan hải quan mở tại Kho bạc Nhà nước theo yêu cầu của cơ quan hải

quan khi tại thời điểm nhận được quyết định cưỡng chế, tài khoản tiền gửi của người bị cưỡng chế có số dư đủ hoặc thừa so với số tiền thuế, tiền phạt;

b) Quy định tại khoản 3 Điều 19 không áp dụng đối với tổ chức, cá nhân là đối tượng nộp thuế. Tổ chức, cá nhân là đối tượng nộp thuế có hành vi vi phạm quy định về cung cấp thông tin thì xử phạt theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 11 Nghị định số 97/2007/NĐ-CP.

III. XỬ LÝ VI PHẠM ĐỐI VỚI CƠ QUAN HẢI QUAN, CÔNG CHỨC HẢI QUAN

1. Cơ quan hải quan phải bồi thường thiệt hại do cán bộ, công chức của mình gây ra trong khi thi hành công vụ; cán bộ, công chức có hành vi vi phạm pháp luật gây thiệt hại thì phải bồi hoàn theo quy định của pháp luật.

2. Thủ tục, trình tự giải quyết bồi thường thiệt hại thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

IV. THỰC HIỆN CÁC BIỆN PHÁP NGĂN CHẶN VI PHẠM HÀNH CHÍNH VÀ BẢO ĐẢM VIỆC XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH

1. Khi áp dụng biện pháp tạm giữ

người theo thủ tục hành chính phải tuân thủ các nguyên tắc sau đây:

a) Chỉ những người có thẩm quyền quy định tại Điều 23 Nghị định số 97/2007/NĐ-CP mới có quyền ra quyết định tạm giữ người theo thủ tục hành chính;

b) Việc tạm giữ người phải có quyết định bằng văn bản và phải giao cho người bị tạm giữ một bản;

c) Chỉ tạm giữ người theo thủ tục hành chính trong trường hợp cần ngăn chặn, đình chỉ ngay những hành vi gây rối trật tự trong địa bàn hoạt động hải quan, gây thương tích cho công chức hải quan đang thi hành công vụ hoặc cản trở thu thập, xác minh những tình tiết quan trọng làm căn cứ để ra quyết định xử phạt hành chính trong các trường hợp: người vi phạm không có giấy tờ tùy thân, không biết rõ lai lịch nhân thân, không có nơi cư trú nhất định, cần xác minh làm rõ lai lịch nhân thân và những tình tiết quan trọng liên quan đến hành vi vi phạm hành chính;

d) Việc tạm giữ người phải tuân thủ Quy chế tạm giữ người theo thủ tục hành chính ban hành kèm theo Nghị định 162/2004/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2004 của Chính phủ.

2. Tạm giữ tài liệu, tang vật, phương tiện vi phạm hành chính

a) Khi áp dụng biện pháp tạm giữ

tài liệu, tang vật, phương tiện vi phạm hành chính phải tuân theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 97/2007/NĐ-CP. Trong một lô hàng có hàng hóa là tang vật vi phạm và hàng hóa không phải là tang vật vi phạm thì chỉ được tạm giữ hàng hóa là tang vật vi phạm. Trường hợp chưa xác định được có vi phạm xảy ra hay không thì chỉ lấy mẫu hàng hóa để làm cơ sở xác định;

Thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh, phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh không bị tạm giữ thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành;

b) Công chức hải quan được ra quyết định tạm giữ tài liệu, tang vật, phương tiện vi phạm hành chính trong trường hợp phạm pháp quả tang, nếu không áp dụng biện pháp tạm giữ ngay thì tài liệu, tang vật, phương tiện vi phạm hành chính sẽ bị tẩu tán, đánh tráo để xóa dấu vết. Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ra quyết định, người ra quyết định phải báo cáo và phải được sự đồng ý bằng văn bản của thủ trưởng trực tiếp là người được quy định tại khoản 1 Điều 24 Nghị định số 97/2007/NĐ-CP;

c) Trường hợp kiểm tra sau thông quan tại trụ sở người nộp thuế, thanh tra thuế mà phát hiện có dấu hiệu trốn thuế, gian lận thuế thì Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan, Cục trưởng Cục kiểm

tra sau thông quan thuộc Tổng cục Hải quan, Cục trưởng Cục Hải quan, Chi cục trưởng Hải quan, Trưởng đoàn thanh tra thuế có thẩm quyền quyết định tạm giữ tài liệu, tang vật, phương tiện vi phạm hành chính.

3. Khám người theo thủ tục hành chính

Thẩm quyền và trình tự khám người theo thủ tục hành chính phải tuân thủ các điều kiện quy định tại Điều 25 Nghị định số 97/2007/NĐ-CP.

4. Khám phương tiện vận tải, đồ vật theo thủ tục hành chính

a) Thẩm quyền và trình tự khám phương tiện vận tải, đồ vật theo thủ tục hành chính phải tuân thủ các điều kiện quy định tại Điều 26 Nghị định số 97/2007/NĐ-CP;

b) Việc khám phương tiện vận tải, đồ vật của các đối tượng được hưởng ưu đãi miễn trừ ngoại giao, miễn trừ lãnh sự phải tuân theo các quy định của Điều ước quốc tế mà Việt Nam đã ký kết hoặc gia nhập và phải có quyết định của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan;

Khi có cơ sở khẳng định hành lý của người xuất cảnh, nhập cảnh được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ ngoại giao, miễn trừ lãnh sự chứa đựng những đồ vật không được hưởng ưu đãi, hoặc chứa những đồ vật thuộc loại Nhà nước Việt

Nam cấm xuất khẩu, nhập khẩu hoặc không tuân thủ các chế độ kiểm dịch của Việt Nam, thì việc khám xét thực hiện theo quyết định của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan, trước mặt viên chức ngoại giao hoặc người được ủy quyền đại diện cho họ.

5. Khám nơi cất giấu tài liệu, tang vật, phương tiện liên quan đến hành vi vi phạm

a) Chỉ những người được quy định tại khoản 1 Điều 23 Nghị định số 97/2007/NĐ-CP mới có thẩm quyền ra quyết định khám nơi cất giấu tài liệu, tang vật, phương tiện vi phạm hành chính. Việc khám nơi cất giấu tài liệu, tang vật, phương tiện vi phạm hành chính thực hiện theo quy định tại Điều 49 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính và Điều 27 Nghị định số 97/2007/NĐ-CP;

b) Trường hợp kiểm tra sau thông quan tại trụ sở người nộp thuế, thanh tra thuế mà phát hiện có dấu hiệu trốn thuế, gian lận thuế thì Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan, Cục trưởng Cục kiểm tra sau thông quan thuộc Tổng cục Hải quan, Cục trưởng Cục Hải quan, Chi cục trưởng Hải quan có thẩm quyền quyết định khám nơi cất giấu tài liệu, tang vật, phương tiện vi phạm hành chính.

V. THẨM QUYỀN XỬ PHẠT

1. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của các cấp hải quan quy định tại khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 28 Nghị định số 97/2007/NĐ-CP là thẩm quyền áp dụng đối với một hành vi vi phạm hành chính. Trong trường hợp phạt tiền, thẩm quyền xử phạt được xác định căn cứ vào mức tối đa của khung phạt tiền quy định đối với từng hành vi vi phạm cụ thể.

Trong trường hợp xử phạt một người thực hiện nhiều hành vi vi phạm hành chính về hải quan thì thẩm quyền xử phạt được xác định như sau:

a) Nếu hình thức, mức xử phạt được quy định đối với từng hành vi đều thuộc thẩm quyền của người xử phạt quy định tại khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 28 Nghị định số 97/2007/NĐ-CP, thì thẩm quyền xử phạt vẫn thuộc người đó;

b) Trường hợp mức tiền phạt, trị giá tang vật phương tiện bị tịch thu hoặc một trong các hình thức xử phạt hoặc biện pháp khắc phục hậu quả không thuộc thẩm quyền hoặc vượt quá thẩm quyền thì người đang thụ lý vụ việc vi phạm phải kịp thời chuyển vụ việc đó đến người có thẩm quyền xử phạt.

2. Những người quy định tại khoản 7 Điều 28 Nghị định số 97/2007/NĐ-CP có thẩm quyền xử phạt đối với các hành

vi khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được hoàn; trốn thuế, gian lận thuế; chậm nộp tiền thuế; không thực hiện trích, chuyển tiền từ tài khoản của tổ chức, cá nhân bị cưỡng chế vào tài khoản thu Ngân sách Nhà nước hoặc tài khoản tạm gửi của cơ quan hải quan mở tại Kho bạc Nhà nước quy định tại khoản 4 Điều 9, Điều 14, Điều 15 và điểm a khoản 1 Điều 19 Nghị định. Mức xử phạt được xác định theo quy định tại Nghị định số 97/2007/NĐ-CP, không hạn chế mức tối đa theo số tiền phạt.

3. Đối với vi phạm hành chính mà hồ sơ liên quan đến nhiều đơn vị hải quan, đơn vị nào phát hiện, lập biên bản đầu tiên thì đơn vị đó ra quyết định xử phạt; những đơn vị liên quan có trách nhiệm chuyển giao đầy đủ các tài liệu cần thiết theo yêu cầu của đơn vị thụ lý vụ vi phạm;

Trường hợp vi phạm liên quan đến hàng hóa chuyển cửa khẩu do Chi cục Hải quan cửa khẩu phát hiện, nếu có dấu hiệu hình sự thì Chi cục Hải quan cửa khẩu yêu cầu Chi cục Hải quan nơi mở tờ khai chuyển toàn bộ hồ sơ có liên quan để xử lý theo thủ tục tố tụng hình sự; trường hợp xử lý hành chính thì Chi cục Hải quan cửa khẩu chuyển hồ sơ để Chi cục Hải quan nơi mở tờ khai xử phạt

theo thẩm quyền, thông báo kết quả xử lý cho Chi cục Hải quan cửa khẩu biết.

4. Khi phát hiện hành vi vi phạm trong lĩnh vực hải quan, người có thẩm quyền xử phạt cần đối chiếu với quy định của Bộ luật Hình sự để xác định đó là vi phạm hành chính hay tội phạm. Trường hợp có dấu hiệu tội phạm thì thực hiện theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự. Đối với dấu hiệu của tội trốn thuế thì trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày phát hiện phải chuyển hồ sơ cho cơ quan có thẩm quyền để điều tra theo quy định.

5. Đối với những vụ vi phạm có khung phạt tiền mức tối đa vượt thẩm quyền thì Cục trưởng Cục Hải quan làm thủ tục chuyển hồ sơ sang Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân tỉnh) nơi phát hiện vi phạm để Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định xử phạt;

Hồ sơ vụ vi phạm hành chính về hải quan khi chuyển sang Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phải kèm theo bản tóm tắt nội dung sự việc và ý kiến của Cục trưởng Cục Hải quan về biện pháp xử lý. Thủ tục bàn giao hồ sơ những vụ vi phạm hành chính về hải quan sang Ủy

ban nhân dân tỉnh phải thực hiện theo đúng quy định. Thời gian xem xét giải quyết ở mỗi cấp được quy định như sau:

- Trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính, Cục trưởng Cục Hải quan phải gửi hồ sơ, kiến nghị hình thức xử phạt vi phạm hành chính để Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định. Đối với vụ vi phạm hành chính có nhiều tình tiết phức tạp hoặc trường hợp xét cần có thêm thời gian để xác minh, thu thập chứng cứ thì thời hạn trên là không quá 30 ngày, kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính. Nếu có tang vật vi phạm bị tạm giữ, cơ quan hải quan vẫn phải có trách nhiệm quản lý; riêng tang vật là ngoại hối, kim khí quý, đá quý phải niêm phong và gửi Kho bạc Nhà nước;

- Các vụ vi phạm hành chính do cơ quan hải quan chuyển sang Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết theo thẩm quyền, thì sau khi có quyết định xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Cục trưởng Cục Hải quan nơi thụ lý vụ vi phạm hành chính chịu trách nhiệm thi hành quyết định xử phạt. Hàng tháng, Cục trưởng Cục Hải quan phải báo cáo kết quả việc thực hiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (nếu có) với Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan.

6. Đối với các vụ vi phạm do các đơn vị thuộc Cục Điều tra chống buôn lậu phát hiện bắt giữ mà có mức phạt vượt quá thẩm quyền của Đội trưởng Đội kiểm soát chống buôn lậu và Hải đội trưởng Hải đội kiểm soát trên biển thuộc Cục Điều tra chống buôn lậu thì thẩm quyền xử phạt do Cục trưởng Cục Điều tra chống buôn lậu thuộc Tổng cục Hải quan thực hiện theo quy định.

7. Đối với các vụ vi phạm ngoài việc xử phạt còn phải truy thu thuế mà người có thẩm quyền xử phạt không có thẩm quyền truy thu thuế thì Thủ trưởng cơ quan hải quan nơi mở tờ khai ra quyết định truy thu theo yêu cầu của người có thẩm quyền xử phạt.

VI. THỦ TỤC XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH VÀ THỰC HIỆN QUYẾT ĐỊNH XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH

1. Khi xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan bằng hình thức cảnh cáo thì người có thẩm quyền xử phạt ra quyết định xử phạt tại chỗ.

2. Quyết định xử phạt vi phạm hành chính có hiệu lực kể từ ngày ký, trừ trường hợp trong quyết định quy định ngày có hiệu lực khác. Trong thời hạn

10 ngày kể từ ngày được giao quyết định xử phạt, cá nhân, tổ chức bị xử phạt phải chấp hành quyết định xử phạt của cấp có thẩm quyền.

3. Việc ra quyết định xử phạt thực hiện theo quy định tại Điều 56 Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính, quy định tại Nghị định 134/2003/NĐ-CP ngày 14/11/2003 của Chính phủ.

4. Thời hạn ra quyết định xử phạt là 10 (mười) ngày, kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính; đối với vụ vi phạm hành chính có nhiều tình tiết phức tạp thì thời hạn ra quyết định xử phạt là 30 (ba mươi) ngày. Trong trường hợp xét cần có thêm thời gian xác minh, thu thập chứng cứ để ra quyết định xử phạt thì cấp có thẩm quyền xử phạt phải báo cáo thủ trưởng trực tiếp của mình bằng văn bản đề xin gia hạn, thời hạn gia hạn không được quá 30 (ba mươi) ngày.

5. Đối với những vụ việc vượt thẩm quyền xử phạt nhưng Cục trưởng Cục Hải quan chưa chuyển hồ sơ tới Chủ tịch UBND tỉnh do chưa xác minh xong, nếu cần gia hạn thời hạn ra quyết định xử phạt thì Cục trưởng Cục Hải quan báo cáo Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan đề xin gia hạn.

6. Đối với hành vi chậm nộp tiền thuế quy định tại Điều 15 Nghị định số

97/2007/NĐ-CP thì không lập biên bản và ra quyết định xử phạt mà người nộp thuế tự xác định số tiền phạt do chậm nộp thuế để nộp vào Ngân sách nhà nước. Quá 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày hết thời hạn nộp thuế mà người nộp thuế vẫn chưa nộp đủ tiền thuế, tiền phạt thì người có thẩm quyền quy định tại khoản 7 Điều 28 Nghị định số 97/2007/NĐ-CP ra thông báo về số tiền thuế nợ và số tiền phạt chậm nộp thuế tính đến thời điểm đó, đồng thời yêu cầu người nộp thuế, người bảo lãnh nộp thuế nộp đủ tiền thuế, tiền phạt vào ngân sách.

7. Viên chức ngoại giao, viên chức lãnh sự lợi dụng quyền ưu đãi, miễn trừ ngoại giao để thực hiện hoạt động thương mại ngoài phạm vi chức năng của họ, vi phạm hành chính về hải quan thì trước khi xử phạt, cần trao đổi với cơ quan ngoại giao.

8. Quản lý tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính:

Toàn bộ tiền phạt thu được phải nộp vào tài khoản tạm giữ của cơ quan hải quan mở tại Kho bạc Nhà nước theo quy định hiện hành. Sau khi hết thời hạn khiếu nại hoặc khiếu nại đã giải quyết xong, căn cứ kết quả xử lý, cơ quan hải quan chuyển số tiền trên từ tài khoản tạm

giữ vào Ngân sách Nhà nước theo quy định của Luật ngân sách nhà nước.

9. Miễn xử phạt vi phạm hành chính quy định tại Điều 38 Nghị định số 97/2007/NĐ-CP

a) Việc xem xét miễn xử phạt vi phạm hành chính chỉ áp dụng đối với trường hợp bị xử phạt về các hành vi vi phạm tại khoản 4 Điều 9, Điều 14, Điều 15 và Điều 19 Nghị định số 97/2007/NĐ-CP.

b) Hồ sơ miễn xử phạt vi phạm hành chính gồm có:

- Đơn đề nghị miễn xử phạt vi phạm hành chính, trong đó nêu rõ căn cứ đề nghị miễn xử phạt;

- Biên bản vi phạm hành chính;

- Quyết định xử phạt vi phạm hành chính (nếu có);

- Xác nhận của chính quyền địa phương về nội dung, thời điểm xảy ra thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ hoặc bất khả kháng khác.

- Biên bản do người đại diện của tổ chức, cá nhân bị thiệt hại phối hợp với chính quyền địa phương lập xác định giá trị tài sản, hàng hóa bị thiệt hại, nguyên nhân thiệt hại, giá trị tài sản, hàng hóa có thể thu hồi được;

- Hồ sơ bồi thường thiệt hại được cơ

quan bảo hiểm chấp nhận bồi thường (nếu có);

- Hồ sơ quy định trách nhiệm của tổ chức, cá nhân phải bồi thường (nếu có).

c) Thủ tục, trình tự xét miễn xử phạt vi phạm hành chính:

- Hồ sơ đề nghị miễn xử phạt được nộp tại cấp có thẩm quyền quyết định miễn xử phạt quy định tại khoản 4 Điều 38 Nghị định số 97/2007/NĐ-CP;

- Trên cơ sở hồ sơ quy định, đối chiếu với điều kiện được miễn xử phạt vi phạm hành chính nêu tại khoản 2 Điều 38 Nghị định số 97/2007/NĐ-CP, Cục trưởng Cục Hải quan, Cục trưởng Cục Điều tra chống buôn lậu, Cục trưởng Cục Kiểm tra sau thông quan xem xét và ra quyết định miễn xử phạt vi phạm hành chính.

Trường hợp có nghi vấn về tính trung thực của hồ sơ miễn xử phạt thì phải kiểm tra, xác minh trước khi quyết định.

d) Không thực hiện việc cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt trong trường hợp đang xem xét miễn xử phạt vi phạm hành chính.

10. Chuyển hồ sơ để xử lý hình sự

a) Khi xem xét vụ vi phạm đề quyết định xử phạt, nếu xét thấy hành vi vi phạm có dấu hiệu tội phạm thì phải chuyển hồ sơ cho người có thẩm quyền xem xét

để khởi tố vụ án (đối với những tội quy định tại Điều 153, 154 Bộ luật Hình sự) hoặc có văn bản kèm hồ sơ photocopy đề nghị cơ quan tiến hành tố tụng hình sự có thẩm quyền xem xét khởi tố đối với trường hợp có dấu hiệu vi phạm pháp luật hình sự khác;

b) Trường hợp cơ quan tiến hành tố tụng hình sự thông báo về quyết định khởi tố vụ án hình sự, cơ quan hải quan phải chuyển hồ sơ gốc vụ vi phạm cho cơ quan tiến hành tố tụng có thẩm quyền trong thời hạn 05 (năm) ngày, kể từ ngày nhận được thông báo;

c) Quá thời hạn 03 (ba) ngày, kể từ ngày hết thời hạn quy định tại Điều 103 Bộ luật Tố tụng Hình sự mà cơ quan hải quan chưa nhận được thông báo của cơ quan có thẩm quyền về việc khởi tố hay không khởi tố vụ án thì người có thẩm quyền xử phạt quy định tại Điều 28 Nghị định số 97/2007/NĐ-CP ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật và thông báo cho cơ quan tố tụng hình sự biết về việc đã xử phạt vi phạm hành chính;

Thời hạn ra quyết định xử phạt được tính lại kể từ thời điểm cơ quan hải quan có quyền quyết định xử phạt theo quy định tại khoản 4 Điều 39 Nghị định số 97/2007/NĐ-CP.

Phần II

CƯỜNG CHẾ THI HÀNH QUYẾT ĐỊNH HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC HẢI QUAN

I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

1. Cường chế thi hành quyết định hành chính trong lĩnh vực hải quan được áp dụng đối với cá nhân, tổ chức có trách nhiệm chấp hành các quyết định hành chính trong lĩnh vực hải quan đã quá thời hạn tự nguyện chấp hành các quyết định này mà không tự nguyện chấp hành hoặc có hành vi phát tán tài sản, bỏ trốn và phải áp dụng các biện pháp cưỡng chế để bảo đảm thi hành quyết định hành chính trong lĩnh vực hải quan theo quy định tại Nghị định số 97/2007/NĐ-CP.

2. Việc áp dụng các biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định hành chính trong lĩnh vực hải quan phải tuân thủ trình tự, thủ tục và thẩm quyền quy định tại Luật quản lý thuế, Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính, Nghị định số 37/2005/NĐ-CP ngày 18/3/2005 của Chính phủ quy định thủ tục áp dụng các biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, Nghị định số 98/2007/NĐ-CP ngày 07/6/2007 của Chính phủ quy định về xử lý vi phạm pháp luật về thuế và cưỡng chế thi hành

quyết định hành chính thuế và Nghị định số 97/2007/NĐ-CP.

3. Đối tượng bị áp dụng các biện pháp cưỡng chế bao gồm;

a) Người khai hải quan, người nộp thuế có nghĩa vụ chấp hành các quyết định hành chính nêu tại khoản 2 Điều 41 Nghị định số 97/2007/NĐ-CP mà không chấp hành;

b) Kho bạc nhà nước, Ngân hàng, tổ chức tín dụng khác; tổ chức, cá nhân đang quản lý tiền lương hoặc thu nhập của cá nhân bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính không chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi không trích nộp, khấu trừ tiền của đối tượng bị cưỡng chế vào tài khoản thu Ngân sách Nhà nước hoặc tài khoản tạm giữ của cơ quan hải quan mở tại Kho bạc Nhà nước;

c) Người bảo lãnh không thực hiện nghĩa vụ nộp tiền thuế, tiền phạt thay cho người nộp thuế theo thông báo của cơ quan hải quan trong trường hợp người nộp thuế không nộp tiền thuế, tiền phạt;

d) Tổ chức, cá nhân nắm giữ tiền, tài sản của người nộp thuế không chấp hành quyết định cưỡng chế thu tiền, tài sản của người nộp thuế do họ nắm giữ;

đ) Tổ chức, cá nhân có liên quan không chấp hành các quyết định xử phạt vi phạm hành chính của cơ quan hải quan.

4. Trường hợp ra quyết định cưỡng chế

a) Đối với các quyết định hành chính về thuế (bao gồm các quyết định nêu tại điểm a, b, c và d khoản 2 Điều 41 Nghị định số 97/2007/NĐ-CP và các quyết định xử phạt theo quy định tại khoản 4 Điều 9, Điều 14 Nghị định số 97/2007/NĐ-CP):

- Quá 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày hết thời hạn chấp hành quyết định hành chính trong lĩnh vực hải quan mà cá nhân, tổ chức hoặc người bảo lãnh của họ không tự nguyện chấp hành;

- Cá nhân, tổ chức chưa chấp hành quyết định hành chính trong lĩnh vực hải quan mà có hành vi phát tán tài sản, bỏ trốn.

b) Đối với các quyết định xử phạt vi phạm hành chính khác trong lĩnh vực hải quan: quá 10 (mười) ngày, kể từ ngày hết thời hạn chấp hành quyết định xử phạt mà cá nhân, tổ chức hoặc người bảo lãnh của họ không tự nguyện chấp hành;

c) Người nộp thuế không bị áp dụng các biện pháp cưỡng chế trong thời gian được gia hạn nộp tiền thuế, tiền phạt theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 85/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật quản lý thuế.

5. Theo dõi, đôn đốc thu nợ tiền thuế, tiền phạt

a) Cơ quan hải quan các cấp có trách nhiệm theo dõi, quản lý các đối tượng nợ tiền thuế, tiền phạt; thường xuyên phân loại đối tượng nợ, các khoản nợ để đôn đốc, thu nợ đến trước thời điểm áp dụng các biện pháp cưỡng chế.

Hình thức đôn đốc, thu nợ tiền thuế, tiền phạt:

- Gửi thông báo yêu cầu người nộp thuế, người bảo lãnh nộp thuế nộp đủ số tiền thuế nợ, tiền phạt;
- Trực tiếp đến trụ sở người nộp thuế để đòi nợ tiền thuế, tiền phạt;
- Thông tin trên hệ thống mạng về danh sách các đối tượng nợ tiền thuế, tiền phạt quá hạn;
- Công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng về đối tượng nợ tiền thuế, tiền phạt; số tiền thuế nợ, tiền phạt.

b) Người nộp thuế, người bảo lãnh còn nợ tiền thuế, tiền phạt khi nhận được thông báo của cơ quan hải quan về việc nợ tiền thuế, tiền phạt phải nhanh chóng thực hiện việc nộp đủ số tiền thuế, tiền phạt theo quy định của pháp luật. Quá thời hạn quy định tại khoản 4 nêu trên mà vẫn chưa thực hiện thì sẽ bị áp dụng các biện pháp cưỡng chế nêu tại Điều 43 Nghị định số 97/2007/NĐ-CP.

6. Thẩm quyền quyết định cưỡng chế

a) Cục trưởng Cục Hải quan, Cục trưởng Cục Điều tra chống buôn lậu, Cục trưởng Cục Kiểm tra sau thông quan ra quyết định cưỡng chế và tổ chức việc cưỡng chế thi hành đối với quyết định hành chính do mình hoặc cấp dưới của mình ban hành.

Trường hợp áp dụng biện pháp cưỡng chế kê biên tài sản; thu tiền, tài sản do tổ chức, cá nhân khác đang nắm giữ mà doanh nghiệp hoặc người nắm giữ tài sản có trụ sở đóng ở địa bàn khác thì Cục Hải quan, Cục Điều tra chống buôn lậu, Cục Kiểm tra sau thông quan ra quyết định cưỡng chế và chuyển quyết định đến Cục Hải quan nơi quản lý địa bàn đó để tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế.

Trường hợp cần áp dụng biện pháp cưỡng chế thu hồi mã số thuế, đình chỉ việc sử dụng hóa đơn; thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy phép thành lập và hoạt động, giấy phép hành nghề quy định tại khoản 8, khoản 9 Điều 43 Nghị định số 97/2007/NĐ-CP mà tổ chức bị cưỡng chế nợ tiền thuế, tiền phạt tại nhiều Cục Hải quan thì Tổng cục Hải quan thông báo cho cơ quan có thẩm quyền ra quyết định thu hồi sử dụng mã số thuế, đình chỉ sử dụng hóa đơn; thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy phép thành lập và hoạt động, giấy phép hành nghề theo quy định tại

Điều 52 Nghị định số 97/2007/NĐ-CP và Điều 65 Nghị định số 98/2007/NĐ-CP.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có quyền ra quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan do mình ban hành.

7. Xác minh điều kiện thi hành quyết định cưỡng chế

a) Người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế có trách nhiệm kiểm tra cơ sở dữ liệu thông tin hiện có về người khai hải quan, người nộp thuế và có quyền tiến hành xác minh những thông tin về tài khoản, tài sản, điều kiện thi hành quyết định cưỡng chế của đối tượng bị cưỡng chế trước thời điểm ra quyết định cưỡng chế. Chính quyền địa phương, cơ quan đăng ký quyền sở hữu, sử dụng, cơ quan đăng ký giao dịch bảo đảm và các tổ chức, cá nhân liên quan phải tạo điều kiện, cung cấp các thông tin cần thiết theo quy định của pháp luật cho cơ quan có thẩm quyền thi hành quyết định cưỡng chế;

b) Việc xác minh đối với tài sản thuộc diện phải đăng ký, chuyển quyền sở hữu, sử dụng cần căn cứ vào hợp đồng mua bán, chuyển đổi, chuyển nhượng hoặc tặng cho; thông qua chủ sở hữu, chính quyền địa phương, cơ quan chức năng hoặc người làm chứng như xác nhận của

người bán, của chính quyền địa phương, cơ quan chức năng về việc mua bán, đồng thời có thể thông báo rộng rãi để người có quyền, nghĩa vụ liên quan bảo vệ lợi ích của họ.

Đối với đối tượng bị cưỡng chế là các cơ quan hoặc tổ chức, người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế cần xác minh số tiền cưỡng chế có khả năng thu được bằng việc trực tiếp xem xét tài sản, kiểm tra hệ thống sổ sách quản lý vốn, tài sản... và thông qua các cơ quan khác như: cơ quan quản lý vốn, tài sản hoặc cơ quan đăng ký kinh doanh, đăng ký tài sản, ngân hàng, tổ chức tín dụng, người vận chuyển, cá nhân, tổ chức liên quan khác để xác minh điều kiện về tiền, tài sản của các cơ quan, tổ chức này.

8. Thủ tục gửi văn bản yêu cầu, thông báo, quyết định về cưỡng chế đến người bị cưỡng chế, tổ chức, cá nhân có liên quan

a) Công chức hải quan có nhiệm vụ thi hành quyết định cưỡng chế giao trực tiếp văn bản cho người có thẩm quyền của tổ chức hoặc người nhận có tên trên văn bản. Trong trường hợp có khó khăn trong việc giao trực tiếp thì việc chuyển văn bản được thực hiện bằng thư bảo đảm qua đường bưu điện.

Nếu người nhận vắng mặt thì các văn bản về thi hành quyết định cưỡng chế

được giao cho Thủ trưởng cơ quan nơi người đó công tác hoặc người thân thích có năng lực hành vi dân sự đầy đủ cùng sống trong một gia đình nhận thay; yêu cầu người đó cam kết chuyển kịp thời, đúng thời gian quy định đến tận tay người được thông báo. Việc giao, nhận, thông báo phải được ký xác nhận; thời điểm giao văn bản là thời điểm người nhận thay cam kết chuyển văn bản cho người nhận. Trường hợp vì lý do khách quan mà người đã cam kết nhận thay không chuyển được văn bản cho người được nhận thì phải thông báo cho cơ quan hải quan biết.

b) Trong trường hợp không thực hiện được việc gửi văn bản theo điểm a nêu trên thì cơ quan thi hành quyết định cưỡng chế thông báo nội dung văn bản bằng hình thức niêm yết công khai bản chính văn bản trong thời gian ít nhất là 05 (năm) ngày làm việc tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi đặt trụ sở chính của tổ chức hoặc nơi cư trú của người được thông báo và tại nơi ở của người được thông báo nếu xác định được nơi ở cụ thể của người đó.

Việc niêm yết công khai phải được lập biên bản, ghi rõ ngày, tháng, năm niêm yết, thời gian niêm yết, nội dung thông báo và người thực hiện niêm yết, có xác nhận của chính quyền địa phương.

c) Trong trường hợp không thể thực hiện việc thông báo theo các hình thức nêu trên thì thông báo liên tiếp hai lần trên báo, đài phát thanh hoặc đài truyền hình của trung ương hoặc của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nếu xác định đối tượng bị cưỡng chế đang ở tại địa phương đó.

Khi hoàn thành việc thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng, cơ quan báo, đài phải có văn bản xác nhận đã thực hiện xong việc thông báo và gửi cơ quan hải quan để lưu hồ sơ.

9. Nguyên tắc áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định hành chính trong lĩnh vực hải quan

a) Chỉ được áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định hành chính trong lĩnh vực hải quan đối với trường hợp quy định tại Điều 42 Nghị định số 97/2007/NĐ-CP;

b) Người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế căn cứ vào nội dung, tính chất, mức độ của nghĩa vụ thi hành quyết định cưỡng chế thi hành quyết định hành chính, điều kiện thi hành quyết định cưỡng chế của đối tượng bị cưỡng chế và tình hình thực tế ở địa phương để quyết định áp dụng lần lượt các biện pháp cưỡng chế quy định tại Nghị định số 97/2007/NĐ-CP. Trường hợp đã ra quyết định cưỡng chế bằng biện pháp tiếp theo

mà có thông tin, điều kiện để thực hiện biện pháp cưỡng chế trước đó theo thứ tự tại Điều 43 Nghị định số 97/2007/NĐ-CP thì người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế có quyền ra quyết định thực hiện biện pháp cưỡng chế trước để bảo đảm thu đủ số tiền thuế, tiền phạt;

c) Không được tổ chức cưỡng chế trong các ngày nghỉ theo quy định của pháp luật lao động và ngoài giờ hành chính, 15 (mười lăm) ngày trước và sau Tết nguyên đán; các ngày truyền thống đối với các đối tượng chính sách - nếu họ là đối tượng bị cưỡng chế, trừ trường hợp cần ngăn chặn đối tượng bị cưỡng chế có hành vi tẩu tán, hủy hoại tài sản hoặc trốn tránh việc thi hành quyết định cưỡng chế.

10. Trách nhiệm tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế

a) Người ra quyết định cưỡng chế có trách nhiệm tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế. Cơ quan chủ trì thi hành quyết định cưỡng chế có trách nhiệm bảo đảm trật tự trong quá trình cưỡng chế;

b) Ủy ban nhân dân các cấp, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan có nghĩa vụ phối hợp với người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế hoặc cơ quan chủ trì tổ chức cưỡng chế triển khai các biện pháp nhằm thực hiện các quyết định cưỡng chế;

c) Trường hợp nếu thấy cần thiết phải có lực lượng Công an nhân dân trong quá trình thi hành cưỡng chế thì phải có văn bản yêu cầu gửi đến cơ quan Công an liên quan 05 (năm) ngày làm việc trước khi thực hiện cưỡng chế để bố trí lực lượng. Khi có yêu cầu tham gia bảo đảm trật tự, an toàn trong quá trình cưỡng chế, lực lượng Công an nhân dân có trách nhiệm bố trí lực lượng ngăn chặn kịp thời các hành vi gây rối, chống người thi hành công vụ trong quá trình thi hành quyết định cưỡng chế.

II. BIỆN PHÁP CƯỖNG CHẾ TRÍCH TIỀN TỪ TÀI KHOẢN TIỀN GỬI

1. Cưỡng chế bằng biện pháp trích tiền từ tài khoản tiền gửi để thi hành các quyết định hành chính về thuế

a) Người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế tổ chức xác minh trực tiếp hoặc bằng văn bản các thông tin về tài khoản, số tiền hiện có trong tài khoản của đối tượng bị cưỡng chế. Việc gửi và nhận văn bản được thực hiện theo chế độ đối với văn bản mật, nếu gửi qua đường bưu điện thì phải thực hiện bằng hình thức bảo đảm. Người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế có trách nhiệm bảo mật những thông tin về tài khoản của đối tượng bị cưỡng chế khi được cung cấp;

b) Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu của người có thẩm quyền, đối tượng bị cưỡng chế; Kho bạc Nhà nước, Ngân hàng Thương mại, các tổ chức tín dụng khác phải cung cấp bằng văn bản về tên của Kho bạc Nhà nước, Ngân hàng Thương mại, các tổ chức tín dụng nơi mở tài khoản, số và ký hiệu các tài khoản, số liệu về tài khoản của tổ chức, cá nhân bị cưỡng chế. Quá thời hạn quy định mà các tổ chức nêu trên không cung cấp thì sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính;

c) Người có thẩm quyền căn cứ vào thông tin đã nhận được để ra quyết định cưỡng chế bằng biện pháp trích tiền từ tài khoản tiền gửi của đối tượng bị cưỡng chế tại Kho bạc Nhà nước, Ngân hàng Thương mại, các tổ chức tín dụng khác. Quyết định cưỡng chế trích tiền từ tài khoản tiền gửi phải ghi rõ ngày, tháng, năm ra quyết định; căn cứ ra quyết định; họ tên, chức vụ, đơn vị công tác của người ra quyết định; số tiền bị khấu trừ (theo số ghi trên quyết định hành chính và chi phí cưỡng chế tính đến hết thời hạn 05 (năm) ngày trước khi tiến hành cưỡng chế); lý do khấu trừ; họ tên, mã số thuế, số tài khoản của đối tượng bị khấu trừ; tên, địa chỉ Kho bạc Nhà nước, Ngân hàng Thương mại, tổ chức tín dụng khác, tổ chức tài chính nơi người bị áp dụng biện pháp cưỡng chế khấu trừ mở tài khoản;

tên, địa chỉ, số tài khoản thu Ngân sách Nhà nước hoặc tài khoản tạm giữ của cơ quan hải quan mở tại Kho bạc nhà nước, phương thức chuyển số tiền bị khấu trừ vào tài khoản thu Ngân sách Nhà nước hoặc tài khoản tạm giữ nêu trên; thời hạn thi hành và phải được người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế ký tên và đóng dấu;

d) Quyết định cưỡng chế trích tiền từ tài khoản tiền gửi được gửi cho đối tượng bị cưỡng chế, Kho bạc Nhà nước, Ngân hàng Thương mại, tổ chức tín dụng khác nơi tổ chức, cá nhân bị áp dụng cưỡng chế có tiền gửi tại ngân hàng và các cơ quan có liên quan 05 (năm) ngày trước khi tiến hành cưỡng chế;

đ) Kho bạc Nhà nước, Ngân hàng Thương mại, tổ chức tín dụng khác ở Việt Nam nơi đối tượng bị cưỡng chế mở tài khoản có trách nhiệm tiến hành phong tỏa các tài khoản của đối tượng bị cưỡng chế ngay khi nhận được quyết định cưỡng chế; chuyển số tiền của tổ chức, cá nhân bị cưỡng chế vào tài khoản thu Ngân sách Nhà nước hoặc tài khoản tạm giữ của cơ quan hải quan mở tại Kho bạc Nhà nước ghi trong quyết định cưỡng chế trong thời hạn 05 (năm) ngày kể từ ngày nhận được quyết định cưỡng chế; đồng thời thông báo cho cơ quan đã ra quyết định cưỡng chế và đối tượng bị cưỡng chế biết;

e) Quá 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày ra quyết định cưỡng chế mà tài khoản của đối tượng bị cưỡng chế không còn để trích nộp vào tài khoản thu Ngân sách Nhà nước hoặc tài khoản tạm giữ của cơ quan hải quan mở tại Kho bạc Nhà nước thì Kho bạc Nhà nước, Ngân hàng Thương mại, các tổ chức tín dụng khác phải thông báo bằng văn bản cho người ra quyết định cưỡng chế biết;

g) Trong thời hạn thi hành quyết định cưỡng chế, nếu trong tài khoản của đối tượng bị cưỡng chế còn số dư mà các tổ chức nêu trên không thực hiện trích nộp vào tài khoản thu Ngân sách Nhà nước hoặc tài khoản tạm giữ của cơ quan hải quan mở tại Kho bạc Nhà nước theo quyết định cưỡng chế thì bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 19 Nghị định số 97/2007/NĐ-CP;

h) Trường hợp đã thu đủ tiền thuế, tiền phạt thì cơ quan hải quan phải thông báo ngay cho Kho bạc nhà nước, Ngân hàng Thương mại, tổ chức tín dụng khác dừng việc phong tỏa tài khoản và dừng việc thực hiện cưỡng chế.

2. Cưỡng chế bằng biện pháp trích tiền từ tài khoản tiền gửi để thi hành các quyết định xử phạt vi phạm hành chính khác về hải quan

a) Người có thẩm quyền ra quyết định

cưỡng chế tổ chức xác minh trực tiếp hoặc bằng văn bản các thông tin về tài khoản, số tiền hiện có trong tài khoản của đối tượng bị cưỡng chế. Thủ tục xác minh thực hiện như hướng dẫn tại điểm a, b khoản 1 nêu trên;

b) Người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế căn cứ vào thông tin đã nhận được để ra quyết định cưỡng chế bằng biện pháp trích tiền từ tài khoản tiền gửi của đối tượng bị cưỡng chế tại Ngân hàng Thương mại, các tổ chức tín dụng khác. Trong thời hạn 05 (năm) ngày kể từ ngày nhận được quyết định cưỡng chế, đối tượng bị cưỡng chế có trách nhiệm yêu cầu ngân hàng nơi mở tài khoản chuyển tiền từ tài khoản của mình sang tài khoản thu Ngân sách Nhà nước hoặc tài khoản tạm giữ của cơ quan hải quan mở tại Kho bạc Nhà nước ghi trong quyết định cưỡng chế. Quá thời hạn quy định mà đối tượng bị cưỡng chế cố tình không thực hiện quyết định cưỡng chế thì sẽ bị áp dụng biện pháp cưỡng chế kê biên tài sản quy định tại Mục IV Phần II Thông tư này;

c) Trong thời hạn 05 (năm) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định cưỡng chế, Ngân hàng Thương mại, tổ chức tín dụng khác có trách nhiệm phối hợp với người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế thông báo cho chủ tài khoản biết. Khi nhận được yêu cầu chuyển tiền của chủ

tài khoản, Ngân hàng Thương mại, các tổ chức tín dụng khác phải chuyển số tiền từ tài khoản của tổ chức, cá nhân bị cưỡng chế vào tài khoản thu Ngân sách Nhà nước hoặc tài khoản tạm giữ của cơ quan hải quan mở tại Kho bạc Nhà nước ghi trong quyết định cưỡng chế; đồng thời thông báo cho cơ quan đã ra quyết định cưỡng chế và đối tượng bị cưỡng chế biết;

d) Trường hợp trong tài khoản không còn số dư hoặc còn nhưng không đủ để thi hành thì Ngân hàng Thương mại, tổ chức tín dụng khác sau khi trích số tiền hiện có phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan đã ra quyết định cưỡng chế biết;

đ) Nếu trong tài khoản của đối tượng bị cưỡng chế còn số dư mà Ngân hàng Thương mại, các tổ chức tín dụng khác không thực hiện trích nộp vào tài khoản thu Ngân sách Nhà nước hoặc tài khoản tạm giữ của cơ quan hải quan mở tại Kho bạc Nhà nước theo quyết định cưỡng chế thì sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 19 Nghị định số 97/2007/NĐ-CP;

e) Trường hợp đã thu đủ tiền thuế, tiền phạt thì cơ quan hải quan phải thông báo ngay cho Kho bạc Nhà nước, Ngân hàng Thương mại, tổ chức tín dụng khác để dừng việc thực hiện cưỡng chế.

III. BIỆN PHÁP CƯỜNG CHẾ KHẤU TRỪ MỘT PHẦN TIỀN LƯƠNG HOẶC MỘT PHẦN THU NHẬP

1. Chỉ áp dụng biện pháp cưỡng chế khấu trừ một phần tiền lương hoặc một phần thu nhập đối với cá nhân bị cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính là cán bộ, công chức hoặc cá nhân đang làm việc được hưởng tiền lương hoặc thu nhập tại một cơ quan, tổ chức theo hợp đồng có thời hạn từ 06 (sáu) tháng trở lên, hợp đồng không xác định thời hạn hoặc hưởng trợ cấp hưu trí hoặc mất sức hàng tháng.

2. Người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế phải tổ chức xác minh về các khoản thu nhập hợp pháp của người bị cưỡng chế, bao gồm: lương, lương hưu, trợ cấp mất sức, tiền thưởng và các khoản thu nhập hợp pháp khác.

3. Căn cứ kết quả xác minh, người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế bằng biện pháp khấu trừ một phần tiền lương hoặc một phần thu nhập của cá nhân bị cưỡng chế.

4. Quyết định cưỡng chế khấu trừ một phần tiền lương hoặc một phần thu nhập đối với cá nhân phải ghi rõ ngày, tháng, năm ra quyết định; căn cứ ra quyết định; họ tên, chức vụ, đơn vị công tác của người ra quyết định; họ tên, địa chỉ của cá nhân

bị cưỡng chế khấu trừ một phần tiền lương hoặc một phần thu nhập; tên, địa chỉ cơ quan, tổ chức quản lý tiền lương hoặc thu nhập của cá nhân bị cưỡng chế; số tiền bị khấu trừ (theo số ghi trên quyết định hành chính và chi phí cưỡng chế tính đến hết thời hạn 05 (năm) ngày trước khi tiến hành cưỡng chế), lý do khấu trừ; tên, địa chỉ của Kho bạc Nhà nước nhận tiền, phương thức chuyển số tiền bị khấu trừ đến Kho bạc; thời gian thi hành; chữ ký của người ra quyết định, dấu của cơ quan ra quyết định.

5. Ngay khi đến kỳ trả tiền lương hoặc thu nhập gần nhất, cơ quan, tổ chức, người sử dụng lao động đang quản lý tiền lương hoặc thu nhập của cá nhân bị cưỡng chế có trách nhiệm khấu trừ một phần tiền lương hoặc một phần thu nhập của cá nhân bị cưỡng chế theo nội dung ghi trong quyết định cưỡng chế và chuyển số tiền đã khấu trừ vào tài khoản thu Ngân sách Nhà nước hoặc tài khoản tạm giữ của cơ quan hải quan mở tại Kho bạc Nhà nước ghi trong quyết định cưỡng chế, đồng thời thông báo cho người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế biết.

6. Tỷ lệ khấu trừ tiền lương, tiền lương hưu hoặc trợ cấp mất sức đối với cá nhân không thấp hơn 10% (mười phần trăm) và không quá 30% (ba mươi phần trăm) tổng số tiền lương, trợ cấp hàng tháng

của cá nhân đó; đối với những khoản thu nhập khác thì tỷ lệ khấu trừ căn cứ vào thu nhập thực tế, nhưng không quá 50% (năm mươi phần trăm) tổng số thu nhập.

7. Trường hợp chưa khấu trừ đủ số tiền thuế, số tiền phạt theo quyết định cưỡng chế mà hợp đồng lao động của đối tượng bị cưỡng chế chấm dứt, cơ quan, tổ chức sử dụng lao động phải thông báo cho người ra quyết định cưỡng chế biết trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày chấm dứt hợp đồng lao động.

8. Cơ quan, tổ chức, người sử dụng lao động đang quản lý tiền lương hoặc thu nhập của cá nhân bị cưỡng chế không thực hiện quyết định cưỡng chế thì bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại khoản 2 Điều 19 Nghị định số 97/2007/NĐ-CP.

IV. BIỆN PHÁP CƯỖNG CHẾ KÊ BIÊN TÀI SẢN, BÁN ĐẤU GIÁ TÀI SẢN KÊ BIÊN

1. Chỉ áp dụng biện pháp cưỡng chế này khi cơ quan hải quan không áp dụng được các biện pháp cưỡng chế quy định tại khoản 1, 2 Điều 43 Nghị định số 97/2007/NĐ-CP do cơ quan hải quan không có thông tin về tài khoản tiền gửi, thu nhập của tổ chức, cá nhân bị cưỡng chế hoặc đã áp dụng các biện pháp cưỡng chế quy định tại khoản 1, 2 Điều 43 Nghị

định số 97/2007/NĐ-CP nhưng chưa thu đủ số tiền thuế nợ, tiền phạt.

2. Các trường hợp không áp dụng biện pháp cưỡng chế bằng biện pháp kê biên tài sản:

- Đối tượng bị cưỡng chế đang trong thời gian chữa bệnh, được cơ quan, tổ chức y tế xác nhận;

- Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu của cơ quan hải quan mà đối tượng bị cưỡng chế không cung cấp thông tin về tài sản hiện đang sở hữu và cơ quan hải quan không nhận được các thông tin khác về tài sản của đối tượng bị cưỡng chế;

- Trị giá tài sản của đối tượng bị cưỡng chế không đủ bù đắp chi phí cưỡng chế.

3. Những tài sản không được kê biên

a) Đối với đối tượng bị cưỡng chế là tổ chức:

- Thuốc men chữa bệnh, phương tiện, dụng cụ, tài sản thuộc cơ sở y tế, khám chữa bệnh, trừ trường hợp đây là các tài sản lưu thông để kinh doanh; lương thực, thực phẩm, dụng cụ, tài sản phục vụ ăn giữa ca cho người lao động;

- Nhà trẻ, trường học và các thiết bị, phương tiện, đồ dùng thuộc các cơ sở này, nếu đây không phải là tài sản lưu thông kinh doanh của doanh nghiệp;

- Trang thiết bị phương tiện, công

cụ bảo đảm an toàn lao động; phòng chống cháy nổ, phòng chống ô nhiễm môi trường;

- Cơ sở hạ tầng quan trọng phục vụ lợi ích công cộng, an ninh, quốc phòng;

- Nguyên vật liệu, thành phẩm, bán thành phẩm là các hóa chất độc hại nguy hiểm hoặc tài sản không được phép lưu hành;

- Nguyên vật liệu bán thành phẩm đang nằm trong dây chuyền sản xuất khép kín;

- Trụ sở làm việc của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp.

b) Đối với đối tượng bị cưỡng chế là cá nhân:

- Nhà ở duy nhất của cá nhân bị cưỡng chế và gia đình. Trường hợp, cá nhân có nhà ở giá trị lớn thì vẫn thực hiện kê biên, bán đấu giá để thi hành quyết định cưỡng chế và trích lại một khoản tiền để đối tượng bị cưỡng chế có thể mua một ngôi nhà khác có giá trị thấp hơn, nhưng vẫn phải bảo đảm tiêu chuẩn về nơi ở tối thiểu theo quy định của pháp luật về nhà ở. Trường hợp cá nhân bị cưỡng chế có nhiều nhà ở thì vẫn bị kê biên;

- Thuốc chữa bệnh cần dùng cho nhu

cầu phòng, chữa bệnh, lương thực, thực phẩm phục vụ nhu cầu thiết yếu cho đối tượng bị cưỡng chế và gia đình họ;

- Công cụ lao động thông thường cần thiết được dùng làm phương tiện sinh sống chủ yếu hoặc duy nhất của cá nhân bị cưỡng chế và gia đình.

Các công cụ lao động có giá trị như xe máy, ô tô, tàu, thuyền, máy cày, máy xay xát và các công cụ có giá trị khác của đối tượng bị cưỡng chế vẫn thực hiện kê biên, bán đấu giá để thi hành quyết định cưỡng chế và trích lại một khoản tiền để đối tượng bị cưỡng chế có thể thay thế bằng một công cụ lao động khác có giá trị thấp hơn.

- Quần áo, đồ dùng sinh hoạt thông thường cần thiết của cá nhân bị cưỡng chế và gia đình theo mức tối thiểu ở từng địa phương như nôi, xoong, bát đĩa, giường, tủ, bàn ghế và các vật dụng thông thường khác có giá trị không lớn. Những đồ dùng sinh hoạt hay tư trang như ti vi, tủ lạnh, máy điều hòa, máy giặt, máy vi tính, nhẫn vàng, giường, tủ và những đồ dùng có giá trị, thì vẫn kê biên để bảo đảm thi hành quyết định hành chính;

- Đồ dùng thờ cúng, di vật, huân chương, huy chương, bằng khen.

4. Việc kê biên tài sản được thực hiện theo thứ tự sau:

a) Kê biên tài sản là hàng hóa nhập

khẩu đang trên đường vận chuyển về Việt Nam, đã về tới cửa khẩu nhập hoặc đang vận chuyển về kho, bãi của đối tượng bị cưỡng chế (trừ hàng hóa là nguyên vật liệu sản xuất hàng xuất khẩu, hàng viện trợ nhân đạo, hàng hóa nhập khẩu để góp vốn đầu tư, hàng nông sản, thực phẩm mau hỏng).

b) Kê biên các tài sản sau đây khi có đủ thông tin và điều kiện:

- Kê biên tài sản là hàng hóa lưu thông trên đường hoặc bày bán tại cửa hàng của đối tượng bị cưỡng chế;

- Kê biên các tài sản khác theo đề nghị của người bị cưỡng chế;

- Kê biên các tài sản khác.

5. Xác minh thông tin về tài sản

a) Khi có thông tin về hàng hóa của đối tượng bị cưỡng chế đang trên đường vận chuyển hoặc đã về tới cửa khẩu nhập, Chi cục Hải quan cửa khẩu nhập có trách nhiệm thông báo ngay cho người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế biết;

b) Người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế tổ chức xác minh trực tiếp hoặc yêu cầu đối tượng bị cưỡng chế cung cấp bằng văn bản các thông tin về tài sản, giá trị của tài sản mà họ đang sở hữu.

6. Quyết định cưỡng chế bằng biện pháp kê biên tài sản

a) Quyết định cưỡng chế bằng biện pháp kê biên tài sản phải ghi rõ ngày, tháng, năm ra quyết định; căn cứ ra quyết định; họ tên, chức vụ (cấp bậc), đơn vị người ra quyết định; họ tên, nơi cư trú, trụ sở của đối tượng bị kê biên tài sản; số tiền bị cưỡng chế; địa điểm kê biên; chữ ký của người ra quyết định, dấu của cơ quan ra quyết định;

b) Việc kê biên tài sản phải được thông báo cho đối tượng bị kê biên tài sản, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú hoặc tổ chức có trụ sở đóng trên địa bàn hoặc cơ quan nơi người đó công tác trước khi tiến hành cưỡng chế kê biên là 05 (năm) ngày làm việc, trừ trường hợp việc thông báo sẽ gây trở ngại cho việc tiến hành kê biên.

7. Thủ tục kê biên

a) Việc kê biên tài sản phải thực hiện vào ban ngày và trong giờ làm việc hành chính áp dụng tại địa phương kê biên tài sản. Người ra quyết định cưỡng chế hoặc người được phân công thực hiện quyết định cưỡng chế chủ trì thực hiện việc kê biên;

b) Khi tiến hành kê biên tài sản phải có mặt cá nhân bị cưỡng chế hoặc người đã thành niên trong gia đình, đại diện cho tổ chức bị kê biên tài sản, đại diện chính quyền địa phương và người chứng kiến. Nếu cá nhân phải thi hành quyết

định cưỡng chế hoặc người đã thành niên trong gia đình cố tình vắng mặt, thì vẫn tiến hành kê biên tài sản nhưng phải có đại diện của chính quyền địa phương và người chứng kiến;

c) Đối tượng bị cưỡng chế có quyền đề nghị kê biên tài sản nào trước, người được giao chủ trì kê biên phải chấp nhận nếu xét thấy đề nghị đó không ảnh hưởng đến việc cưỡng chế. Nếu đối tượng bị cưỡng chế không đề nghị cụ thể việc kê biên tài sản nào trước thì tài sản thuộc sở hữu riêng được kê biên trước;

d) Chỉ kê biên những tài sản thuộc sở hữu chung của cá nhân bị cưỡng chế với người khác nếu cá nhân bị cưỡng chế không có tài sản riêng hoặc tài sản riêng không đủ để thi hành quyết định cưỡng chế. Trường hợp tài sản có tranh chấp thì vẫn tiến hành kê biên và giải thích cho những người cùng sở hữu tài sản kê biên về quyền khởi kiện theo thủ tục tố tụng dân sự.

Cơ quan tiến hành kê biên có trách nhiệm thông báo công khai thời gian, địa điểm tiến hành kê biên để các đồng sở hữu biết. Hết thời hạn 03 (ba) tháng, kể từ ngày kê biên mà không có người khởi kiện thì tài sản kê biên được đem bán đấu giá theo quy định của pháp luật về bán đấu giá tài sản.

đ) Chỉ kê biên quyền sử dụng đất, nhà ở, trụ sở của đối tượng bị cưỡng chế nếu sau khi kê biên hết các tài sản khác mà vẫn không đủ để thi hành quyết định cưỡng chế;

e) Chỉ được kê biên tài sản của đối tượng bị cưỡng chế đủ để đảm bảo thi hành quyết định cưỡng chế và thanh toán các chi phí thi hành cưỡng chế. Trường hợp đối tượng bị cưỡng chế chỉ có một tài sản duy nhất lớn hơn nghĩa vụ thi hành quyết định cưỡng chế mà không thể phân chia được hoặc việc phân chia sẽ làm giảm đáng kể giá trị của tài sản thì cơ quan tiến hành kê biên vẫn có quyền kê biên tài sản đó để đảm bảo thi hành quyết định cưỡng chế;

g) Trong trường hợp kê biên tài sản là nhà ở hoặc đồ vật đang bị khóa hay đóng gói thì tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế yêu cầu đối tượng bị cưỡng chế, người đang sử dụng, quản lý tài sản đó mở khóa, mở gói; nếu đối tượng bị cưỡng chế, người đang sử dụng, quản lý tài sản không mở hoặc cố tình vắng mặt thì tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế lập biên bản (có đại diện của chính quyền địa phương và người chứng kiến) mở khóa hay mở gói để kiểm tra, liệt kê cụ thể các tài sản và kê biên theo quy định của pháp luật.

Trường hợp cá nhân bị cưỡng chế, người có quyền và nghĩa vụ liên quan

đang chấp hành hình phạt tù thì người chủ trì thực hiện quyết định cưỡng chế thực hiện việc thông báo các quyết định, giấy báo về thi hành quyết định cưỡng chế cho những người đó thông qua giám thị trại giam. Người đang bị giam giữ có thể ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền, nghĩa vụ về thi hành quyết định cưỡng chế;

h) Đối với trường hợp tài sản kê biên thuộc diện đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng thì khi ra quyết định cưỡng chế bằng biện pháp kê biên tài sản, người chủ trì thực hiện quyết định cưỡng chế phải thông báo ngay cho các cơ quan sau đây biết việc kê biên tài sản:

- Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất, cơ quan có thẩm quyền về đăng ký tài sản gắn liền với đất trong trường hợp kê biên quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất;

- Cục hàng không Việt Nam, trong trường hợp tài sản kê biên là tàu bay;

- Cơ quan đăng ký tàu biển và thuyền viên khu vực, trong trường hợp tài sản kê biên là tàu biển;

- Cục Cảnh sát giao thông đường bộ, Phòng Cảnh sát giao thông đường bộ, trong trường hợp tài sản kê biên là phương tiện giao thông cơ giới đường bộ;

- Các cơ quan có thẩm quyền đăng ký

quyền sở hữu, sử dụng khác theo quy định của pháp luật.

i) Kể từ thời điểm nhận được thông báo về việc kê biên tài sản, cơ quan đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản không thực hiện việc đăng ký chuyển dịch tài sản đó, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trong thời hạn không quá 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày giải tỏa kê biên tài sản hay hoàn tất việc bán hoặc giao tài sản kê biên để cưỡng chế thi hành quyết định cưỡng chế, tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế phải thông báo cho cơ quan đăng ký quyền sở hữu tài sản, quyền sử dụng tài sản biết.

k) Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày kê biên tài sản, đối tượng bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính không nộp đủ tiền thuế nợ, tiền phạt thì cơ quan hải quan được quyền bán đấu giá tài sản kê biên để thu đủ tiền thuế nợ, tiền phạt.

8. Biên bản kê biên tài sản

a) Việc kê biên tài sản phải được lập biên bản. Trong biên bản phải ghi thời gian, địa điểm tiến hành kê biên tài sản; họ tên, chức vụ người chủ trì thực hiện việc kê biên; người đại diện cho tổ chức bị cưỡng chế kê biên tài sản, cá nhân có tài sản bị kê biên hoặc người đại diện hợp pháp cho họ; người chứng kiến; đại

diện chính quyền địa phương (hoặc cơ quan của cá nhân bị cưỡng chế), đại diện tổ chức, cơ quan có liên quan; mô tả tên gọi, tình trạng, đặc điểm từng tài sản bị kê biên;

b) Người chủ trì thực hiện việc kê biên; người đại diện cho tổ chức bị cưỡng chế kê biên tài sản, cá nhân có tài sản bị kê biên hoặc người đại diện hợp pháp cho họ; người chứng kiến; đại diện chính quyền địa phương (hoặc cơ quan của cá nhân bị cưỡng chế), đại diện tổ chức, cơ quan có liên quan ký tên vào biên bản. Trong trường hợp có người vắng mặt hoặc có mặt mà từ chối ký biên bản thì việc đó phải ghi vào biên bản và nêu rõ lý do;

c) Biên bản kê biên được lập thành 02 bản, cơ quan ra quyết định cưỡng chế giữ 01 bản, 01 bản được giao cho cá nhân bị kê biên hoặc đại diện tổ chức bị cưỡng chế kê biên ngay sau khi hoàn thành việc lập biên bản kê biên tài sản.

9. Giao bảo quản tài sản kê biên

a) Người chủ trì thực hiện kê biên lựa chọn một trong các hình thức sau đây để bảo quản tài sản kê biên:

- Giao cho người bị cưỡng chế, thân nhân của người bị cưỡng chế hoặc người đang quản lý, sử dụng tài sản đó bảo quản;
- Giao cho một trong những đồng sở

hữu chung bảo quản nếu tài sản đó thuộc sở hữu chung;

- Nếu người bị cưỡng chế, người đang sử dụng, quản lý tài sản, người thân thích của người bị cưỡng chế không nhận bảo quản hoặc xét thấy có dấu hiệu tẩu tán, hủy hoại tài sản, cản trở việc thi hành quyết định cưỡng chế thì tùy từng trường hợp cụ thể, tài sản kê biên được giao cho tổ chức, cá nhân có điều kiện bảo quản;

b) Đối với tài sản là vàng, bạc, kim khí quý, đá quý, ngoại tệ thì tạm giao cho Kho bạc Nhà nước quản lý; đối với các tài sản như vũ khí, chất nổ, chất phóng xạ, trang thiết bị phương tiện kỹ thuật quân sự và vật liệu nổ công nghiệp khác, công cụ hỗ trợ, vật có giá trị lịch sử, văn hóa, bảo vật quốc gia, cổ vật, hàng lâm sản quý hiếm thì tạm giao cho cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành để quản lý;

c) Khi giao bảo quản tài sản kê biên, người chủ trì thực hiện kê biên phải lập biên bản ghi rõ: ngày, tháng, năm bàn giao bảo quản; họ và tên người chủ trì thực hiện quyết định cưỡng chế, cá nhân, đại diện tổ chức bị cưỡng chế, người được giao bảo quản tài sản, người chứng kiến việc bàn giao; số lượng, tình trạng (chất lượng) tài sản; quyền và nghĩa vụ của người được giao bảo quản tài sản.

Người chủ trì thực hiện kê biên, người

được giao bảo quản tài sản, cá nhân, đại diện tổ chức bị cưỡng chế, người chứng kiến ký tên vào biên bản. Trong trường hợp có người vắng mặt hoặc có mặt mà từ chối ký biên bản thì việc đó phải ghi vào biên bản và nêu rõ lý do.

Biên bản được giao cho người được giao bảo quản tài sản, cá nhân, đại diện tổ chức bị cưỡng chế, người chứng kiến và người chủ trì thực hiện kê biên mỗi người giữ một bản;

d) Người được giao bảo quản tài sản được thanh toán chi phí thực tế, hợp lý để bảo quản tài sản, trừ những người quy định tại điểm a khoản 1 Điều 54 Nghị định số 98/2007/NĐ-CP ngày 07/6/2007;

đ) Người được giao bảo quản tài sản gây hư hỏng, đánh tráo, làm mất hay hủy hoại tài sản thì phải chịu trách nhiệm bồi thường và tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật hình sự.

10. Định giá tài sản kê biên

a) Việc định giá tài sản đã kê biên được tiến hành tại nhà của cá nhân hoặc trụ sở của tổ chức bị kê biên hoặc nơi lưu giữ tài sản bị kê biên (trừ trường hợp phải thành lập Hội đồng định giá);

b) Tài sản đã kê biên được định giá theo sự thỏa thuận giữa người chủ trì thực hiện quyết định cưỡng chế với đại

diện tổ chức hoặc cá nhân bị cưỡng chế và chủ sở hữu chung trong trường hợp kê biên tài sản chung. Thời hạn để các bên thỏa thuận về giá không quá 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày tài sản được kê biên.

Đối với tài sản kê biên có giá trị dưới 500.000 đồng hoặc tài sản thuộc loại mau hỏng, nếu các bên không thỏa thuận được với nhau về giá thì người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế có trách nhiệm định giá;

c) Trường hợp tài sản kê biên có giá trị từ 500.000 đồng trở lên thuộc loại khó định giá hoặc các bên không thỏa thuận được về giá thì trong thời hạn không quá 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tài sản bị kê biên, người đã ra quyết định cưỡng chế đề nghị cơ quan có thẩm quyền thành lập Hội đồng định giá, trong đó người đã ra quyết định cưỡng chế là Chủ tịch Hội đồng, đại diện cơ quan tài chính, cơ quan chuyên môn có liên quan là thành viên. Người chủ trì thực hiện quyết định cưỡng chế có quyền thuê hoặc trưng cầu giám định về giá trị của tài sản. Khi có yêu cầu của người chủ trì thực hiện quyết định cưỡng chế, cơ quan chuyên môn có trách nhiệm cử người có chuyên môn tham gia việc định giá. Đại diện cơ quan chuyên môn trong Hội đồng định giá là người có chuyên môn, kỹ thuật thuộc cơ quan có thẩm quyền quản lý về mặt chuyên

môn - nghiệp vụ đối với tài sản định giá. Nếu tài sản định giá là nhà ở thì phải có đại diện của cơ quan quản lý nhà đất và cơ quan quản lý xây dựng tham gia Hội đồng định giá.

Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày được thành lập, Hội đồng định giá phải tiến hành việc định giá. Cá nhân bị kê biên hoặc đại diện tổ chức có tài sản bị kê biên được tham gia ý kiến vào việc định giá, nhưng quyền quyết định giá thuộc Hội đồng định giá.

Hội đồng định giá tài sản căn cứ vào giá thị trường tại thời điểm định giá và ý kiến chuyên môn của các cơ quan, tổ chức giám định tài sản để xác định giá tài sản. Hội đồng định giá quyết định về giá của tài sản theo đa số; trong trường hợp các bên có ý kiến ngang nhau về giá tài sản thì bên nào có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng là căn cứ xác định giá khởi điểm để bán tài sản. Các thành viên Hội đồng định giá có quyền bảo lưu ý kiến của mình, kiến nghị người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế xem xét lại việc định giá. Đối với tài sản mà nhà nước thống nhất quản lý giá thì việc định giá dựa trên cơ sở giá tài sản do nhà nước quy định;

d) Việc định giá tài sản phải được lập thành biên bản, trong đó ghi rõ thời gian, địa điểm tiến hành định giá, thành phần những người tham gia định giá, tên và trị

giá tài sản đã được định giá, chữ ký của các thành viên tham gia định giá và của chủ tài sản.

11. Thẩm quyền thành lập Hội đồng định giá tài sản, nhiệm vụ của Hội đồng định giá thực hiện theo quy định tại Điều 26, 27 Nghị định số 37/2005/NĐ-CP ngày 18/3/2005 và Điều 56, 57 Nghị định số 98/2007/NĐ-CP ngày 07/6/2007.

12. Chuyển giao tài sản đã kê biên để bán đấu giá

a) Đối với tài sản bị kê biên để bán đấu giá, căn cứ vào giá trị tài sản được xác định theo hướng dẫn tại khoản 10 nêu trên, trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày ra quyết định kê biên, người chủ trì cưỡng chế ký hợp đồng ủy quyền bán đấu giá với các tổ chức có chức năng bán đấu giá sau đây để tổ chức bán đấu giá tài sản:

- Đối với tài sản đã kê biên có giá trị đã xác định dưới 10.000.000 đồng thì người chủ trì cưỡng chế ký hợp đồng ủy quyền bán đấu giá với cơ quan tài chính cấp huyện để tổ chức bán đấu giá;

- Đối với tài sản đã kê biên có giá trị đã xác định từ 10.000.000 đồng trở lên thì người chủ trì cưỡng chế ký hợp đồng ủy quyền bán đấu giá với Trung tâm dịch vụ bán đấu giá cấp tỉnh nơi có tài sản để tổ chức bán đấu giá.

b) Việc xác định giá khởi điểm để

bán đấu giá các tài sản được hướng dẫn tại Thông tư số 13/2007/TT-BTC ngày 06/3/2007 và Thông tư số 34/2005/TT-BTC ngày 12/5/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc xác định giá khởi điểm và chuyển giao tài sản Nhà nước để bán đấu giá.

c) Việc chuyển giao tài sản kê biên cho cơ quan có trách nhiệm bán đấu giá phải được lập thành biên bản. Trong biên bản phải ghi rõ: ngày, tháng, năm bàn giao người bàn giao, người nhận; chữ ký của người giao, người nhận; số lượng, tình trạng tài sản. Hồ sơ bàn giao tài sản kê biên cho cơ quan có trách nhiệm bán đấu giá bao gồm: quyết định cưỡng chế kê biên; các giấy tờ, tài liệu có liên quan đến quyền sở hữu, quyền sử dụng hợp pháp (nếu có); văn bản định giá tài sản và biên bản bàn giao tài sản đó.

d) Trong trường hợp tài sản kê biên là hàng hóa công kênh hoặc có số lượng lớn mà Trung tâm dịch vụ bán đấu giá cấp tỉnh hoặc cơ quan tài chính cấp huyện không có nơi cất giữ tài sản thì sau khi thực hiện xong thủ tục chuyển giao có thể ký hợp đồng bảo quản tài sản với nơi đang giữ tài sản đó. Chi phí cho việc thực hiện hợp đồng bảo quản được thanh toán từ số tiền bán đấu giá tài sản thu được sau khi bán đấu giá.

đ) Khi tài sản kê biên đã được chuyển giao cho cơ quan có trách nhiệm bán

đấu giá thì thủ tục bán đấu giá tài sản đó được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về bán đấu giá tài sản.

e) Đối với tài sản thuộc sở hữu chung, khi bán đấu giá thì ưu tiên bán trước cho người đồng sở hữu.

g) Trường hợp số tiền bán đấu giá tài sản nhiều hơn số tiền ghi trong quyết định hành chính và chi phí cho việc cưỡng chế thì trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày bán đấu giá, cơ quan thi hành biện pháp cưỡng chế kê biên bán đấu giá tài sản làm thủ tục trả lại phần chênh lệch cho đối tượng bị cưỡng chế.

13. Chuyển giao quyền sở hữu tài sản

a) Người mua tài sản kê biên được pháp luật công nhận và bảo vệ quyền sở hữu, quyền sử dụng đối với tài sản đó.

b) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm thực hiện thủ tục chuyển quyền sở hữu, quyền sử dụng cho người mua theo quy định của pháp luật.

c) Hồ sơ chuyển quyền sở hữu, quyền sử dụng gồm có:

- Bản sao quyết định cưỡng chế hành chính bằng biện pháp kê biên tài sản để bán đấu giá;

- Biên bản bán đấu giá tài sản;

- Các giấy tờ khác liên quan đến tài sản (nếu có).

14. Số tiền thu được do bán đấu giá tài sản kê biên, tài sản thu được do cá nhân, tổ chức khác đang nắm giữ của đối tượng bị cưỡng chế được xử lý theo thứ tự như sau:

- Chi trả khoản chi phí cưỡng chế, chi phí bán đấu giá tài sản kê biên, tài sản thu được do cá nhân, tổ chức khác đang nắm giữ;

- Nộp số tiền tương ứng số tiền thuế, tiền phạt ghi tại quyết định cưỡng chế vào tài khoản thu Ngân sách Nhà nước hoặc tài khoản tạm giữ của cơ quan hải quan mở tại Kho bạc Nhà nước;

- Hoàn trả lại cho đối tượng bị cưỡng chế (nếu thừa).

V. BIỆN PHÁP CƯỖNG CHẾ THU TIỀN, TÀI SẢN CỦA ĐỐI TƯỢNG BỊ CƯỖNG CHẾ DO TỔ CHỨC, CÁ NHÂN KHÁC ĐANG NẮM GIỮ

1. Chỉ áp dụng biện pháp này khi cơ quan hải quan không áp dụng được các biện pháp cưỡng chế quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều 43 Nghị định số 97/2007/NĐ-CP hoặc đã áp dụng nhưng chưa thu đủ số tiền thuế nợ, tiền phạt và cơ quan hải quan có căn cứ xác định bên thứ ba đang có khoản nợ hoặc giữ tiền, tài sản của đối tượng bị cưỡng chế.

2. Người nắm giữ tài sản của tổ chức, cá nhân bị cưỡng chế quy định tại khoản 4 Điều 43 Nghị định số 97/2007/NĐ-CP gồm:

- Cá nhân, hộ gia đình, tổ chức (như trung tâm giao dịch chứng khoán, công ty chứng khoán, ngân hàng...) được đối tượng bị cưỡng chế ủy quyền nắm giữ;

- Cá nhân, hộ gia đình, tổ chức mắc nợ đối tượng bị cưỡng chế;

- Cá nhân, tổ chức là đối tượng của giao dịch đảm bảo hoặc thực hiện các thủ tục xử lý tài sản theo quy định của pháp luật;

- Cơ quan thuế nội địa hiện nắm giữ tiền thuế giá trị gia tăng, tiền, tài sản khác thuộc loại hoàn trả cho đối tượng bị cưỡng chế;

- Cơ quan, tổ chức khác (Tổ chức giao nhận vận tải, kho ngoại quan, người nhập khẩu ủy thác) hiện đang nắm giữ hàng hóa nhập khẩu của đối tượng bị cưỡng chế.

3. Nguyên tắc thu tiền, tài sản khác của đối tượng bị cưỡng chế từ bên thứ ba

a) Bên thứ ba có khoản nợ đến hạn phải trả cho đối tượng bị cưỡng chế hoặc giữ tiền, tài sản khác của đối tượng bị cưỡng chế thì có trách nhiệm nộp tiền thuế nợ, tiền phạt thay cho đối tượng bị cưỡng chế;

b) Trường hợp tiền, tài sản khác của đối tượng bị cưỡng chế do bên thứ ba đang giữ là đối tượng của các giao dịch bảo đảm hoặc thuộc trường hợp giải quyết phá sản thì việc thu tiền, tài sản khác từ bên thứ ba được thực hiện theo quy định của pháp luật;

c) Số tiền bên thứ ba nộp vào tài khoản thu Ngân sách Nhà nước hoặc tài khoản tạm giữ của cơ quan hải quan mở tại Kho bạc Nhà nước thay cho đối tượng bị cưỡng chế được xác định là số tiền đã thanh toán cho đối tượng bị cưỡng chế.

Căn cứ vào chứng từ thu tiền, tài sản của bên thứ ba, cơ quan có thẩm quyền cưỡng chế thực hiện thông báo cho đối tượng bị cưỡng chế và các cơ quan liên quan được biết.

4. Trách nhiệm của bên thứ ba đang có khoản nợ, đang giữ tiền, tài sản khác của đối tượng bị cưỡng chế

a) Cung cấp cho cơ quan hải quan thông tin về khoản nợ hoặc khoản tiền, tài sản khác đang giữ của đối tượng thuộc diện cưỡng chế, trong đó nêu rõ số lượng tiền, thời hạn thanh toán nợ, loại tài sản, số lượng tài sản, tình trạng tài sản;

b) Khi nhận được văn bản yêu cầu của người có thẩm quyền thì không được chuyển trả tiền, tài sản khác cho đối tượng bị cưỡng chế cho đến khi thực hiện nộp tiền vào tài khoản thu Ngân sách Nhà

nước hoặc tài khoản tạm giữ của cơ quan hải quan mở tại Kho bạc Nhà nước hoặc chuyển giao tài sản cho cơ quan hải quan để làm thủ tục bán đấu giá;

c) Trong trường hợp không thực hiện được yêu cầu của cơ quan hải quan thì phải có văn bản giải trình với cơ quan hải quan trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu;

d) Tổ chức, cá nhân đang có khoản nợ hoặc giữ tiền, tài sản khác của đối tượng bị cưỡng chế không thực hiện nộp thay số tiền thuế bị cưỡng chế trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu của cơ quan hải quan thì bị coi là nợ tiền thuế của Nhà nước và bị áp dụng các biện pháp cưỡng chế theo quy định tại Điều 43 Nghị định số 97/2007/NĐ-CP.

VI. CƯỖNG CHẾ BẰNG CÁC BIỆN PHÁP KHÁC

1. Cưỡng chế bằng biện pháp dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu

a) Chỉ áp dụng biện pháp này khi cơ quan Hải quan không áp dụng được các biện pháp cưỡng chế quy định tại khoản 1, 3 và 4 Điều 43 Nghị định số 97/2007/NĐ-CP hoặc đã áp dụng nhưng chưa thu đủ số tiền thuế nợ, tiền phạt;

b) Người có thẩm quyền quyết định cưỡng chế phải ra quyết định cưỡng chế gửi đến đối tượng bị cưỡng chế và thông báo trên mạng thông tin hải quan chậm nhất 05 (năm) ngày làm việc trước khi áp dụng biện pháp dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu;

c) Quyết định cưỡng chế phải ghi rõ ngày, tháng, năm ra quyết định; số quyết định, căn cứ pháp lý ra quyết định; Lý do cưỡng chế, họ tên, chức vụ, đơn vị công tác của người ra quyết định; họ tên, địa chỉ của đối tượng bị cưỡng chế; số tiền thuế, tiền phạt chưa nộp chi tiết theo từng tờ khai, vụ việc; tổng số tiền bị cưỡng chế; tên, địa chỉ, số tài khoản tại Kho bạc Nhà nước; thời hạn thi hành; chữ ký của người ra quyết định, dấu của cơ quan ra quyết định;

d) Việc cưỡng chế dừng làm thủ tục hải quan phải được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Việc tạm giải tỏa cưỡng chế dừng làm thủ tục nhập khẩu trong những trường hợp được Pháp luật cho phép phải đảm bảo không làm phát sinh nợ mới và được Tổ chức tín dụng hoặc tổ chức khác hoạt động theo Luật các tổ chức tín dụng bảo lãnh về số nợ thuế, nợ phạt được tạm giải tỏa cưỡng chế.

2. Cưỡng chế bằng biện pháp thu hồi mã số thuế, đình chỉ sử dụng hóa đơn; thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh

doanh hoặc giấy phép thành lập và hoạt động, giấy phép hành nghề

Khi áp dụng biện pháp cưỡng chế thu hồi mã số thuế, đình chỉ sử dụng hóa đơn; thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy phép thành lập và hoạt động, giấy phép hành nghề đối với người nộp thuế thì cơ quan hải quan có thẩm quyền phải:

a) Thông báo cho đối tượng bị cưỡng chế biết trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc trước khi áp dụng biện pháp này;

b) Gửi văn bản yêu cầu cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để thu hồi mã số thuế, đình chỉ sử dụng hóa đơn; thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy phép thành lập và hoạt động, giấy phép hành nghề.

Trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được thông báo của cơ quan hải quan, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phải ra quyết định thu hồi mã số thuế, đình chỉ sử dụng hóa đơn; thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy phép thành lập và hoạt động, giấy phép hành nghề. Trường hợp không thu hồi thì phải thông báo cho cơ quan hải quan và nêu rõ lý do.

3. Cưỡng chế để tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính; cưỡng chế để thi hành các

biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra.

Thủ tục, trình tự áp dụng biện pháp cưỡng chế để tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính; cưỡng chế để thi hành các biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra thực hiện theo quy định tại Mục D Chương II và Chương III Nghị định số 37/2005/NĐ-CP ngày 18/3/2005.

VII. CHI PHÍ CƯỖNG CHẾ

1. Nội dung chi phí

a) Chi phí huy động người thực hiện quyết định cưỡng chế;

b) Chi phí thuê phương tiện tháo dỡ, chuyên chở đồ vật, tài sản;

c) Chi phí bảo vệ cưỡng chế: Chi cho những người trực tiếp tham gia bảo vệ (người ra quyết định cưỡng chế, cảnh sát bảo vệ, nhân viên y tế, cán bộ thi hành quyết định cưỡng chế, đại diện chính quyền địa phương, đại diện tổ chức xã hội,...), chi phí mua nhiên liệu, thuê phương tiện, thiết bị bảo vệ, thiết bị y tế cần thiết phục vụ thi hành quyết định cưỡng chế;

d) Chi phí phòng cháy, nổ (nếu có): thuê xe cứu hỏa, thuê thiết bị phòng cháy

chữa cháy, thuê rà, phá bom, mìn và các phương tiện, thiết bị phòng cháy, nổ cần thiết khác;

đ) Chi phí thuê giữ hoặc bảo quản tài sản đã kê biên;

e) Chi phí định giá tài sản, bán đấu giá tài sản: tiền thù lao cho các thành viên của Hội đồng định giá, chi giám định tài sản (nếu có), tiền thuê địa điểm, phương tiện để tổ chức bán đấu giá, niêm yết, chi phí tổ chức định giá lại tài sản; chi đăng tin thông báo bán đấu giá trên các phương tiện thông tin đại chúng;...

g) Chi phí thực tế khác phục vụ cho việc thi hành quyết định cưỡng chế (nếu có).

2. Mức chi

- Các chi phí: thuê giữ hoặc bảo quản tài sản; giám định tài sản; tiền thuê địa điểm, phương tiện để tổ chức bán đấu giá; chi đăng tin thông báo bán đấu giá trên các phương tiện thông tin đại chúng; tiền thuê chuyên chở đồ vật, tài sản cưỡng chế thi hành quyết định cưỡng chế... được thực hiện căn cứ theo hợp đồng, hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp, hợp lệ theo quy định;

- Các chi phí khác: mức chi được thực hiện theo quy định chung của Nhà nước.

Trường hợp Nhà nước chưa quy định

mức chi thì người tổ chức thực hiện cưỡng chế quyết định mức chi và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

3. Nguồn kinh phí bảo đảm cho chi phí thi hành quyết định cưỡng chế

Chi phí cho việc cưỡng chế thi hành quyết định cưỡng chế do đối tượng bị cưỡng chế chịu.

Trường hợp chi phí cưỡng chế do đối tượng bị cưỡng chế phải chịu nhưng cơ quan hải quan chưa thu được, cơ quan hải quan được phép tạm ứng từ nguồn kinh phí hoạt động của ngành hải quan và được hoàn trả ngay sau khi thu được tiền của đối tượng bị cưỡng chế hành chính. Mức tạm ứng không quá 30 (ba mươi) triệu đồng. Đối với những trường hợp có mức chi phí cưỡng chế lớn, số tiền được phép tạm ứng sử dụng không đủ thì người ra quyết định cưỡng chế báo cáo cơ quan hải quan cấp trên để xem xét giải quyết đối với từng trường hợp cụ thể.

4. Miễn, giảm chi phí thi hành cưỡng chế

a) Cá nhân bị cưỡng chế có thể được xét miễn giảm phí thi hành cưỡng chế nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- Có khó khăn về kinh tế. Cá nhân thuộc diện có khó khăn về kinh tế là những cá nhân có thu nhập không đảm bảo mức sinh hoạt tối thiểu để họ sinh

sống bình thường hoặc bị lâm vào hoàn cảnh kinh tế đặc biệt khó khăn kéo dài do thiên tai, hỏa hoạn. Mức thu nhập tối thiểu là mức thu nhập không thuộc diện chịu thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao.

Quyết định xét miễn, giảm chi phí cưỡng chế sẽ bị hủy bỏ trong trường hợp phát hiện đối tượng bị cưỡng chế có hành vi tẩu tán, cất giấu tiền, tài sản để trốn tránh việc xác minh điều kiện cụ thể để thi hành cưỡng chế.

- Thuộc diện gia đình chính sách, có công với cách mạng;

- Thuộc diện neo đơn, tàn tật, ốm đau kéo dài.

b) Thủ tục để được miễn, giảm chi phí cưỡng chế:

Để được xét miễn, giảm chi phí cưỡng chế, cá nhân phải làm đơn đề nghị xét miễn, giảm chi phí cưỡng chế có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú, sinh sống hoặc xác nhận của Thủ trưởng cơ quan, tổ chức nơi đang làm việc. Ngoài ra, thủ tục gồm có:

- Đối với đối tượng bị cưỡng chế có khó khăn về kinh tế do gặp thiên tai, hỏa hoạn phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú hoặc của Thủ trưởng cơ quan, tổ chức nơi đang làm việc;

- Đối với đối tượng bị cưỡng chế thuộc diện tàn tật, ốm đau kéo dài thì phải được

hội đồng giám định y khoa hoặc cơ quan y tế có thẩm quyền xác nhận theo quy định của Bộ y tế;

Đơn và hồ sơ đề nghị xét miễn, giảm chi phí cưỡng chế được nộp cho cơ quan hải quan nơi ra quyết định cưỡng chế.

c) Mức miễn, giảm chi phí thi hành cưỡng chế:

- Cá nhân bị cưỡng chế đã chấp hành được một phần phí cưỡng chế nhưng bị lâm vào hoàn cảnh kinh tế đặc biệt khó khăn kéo dài do thiên tai, hỏa hoạn, thì được xét giảm số tiền phí cưỡng chế còn lại;

- Các cá nhân nêu tại điểm a Khoản 4 Mục này được xét giảm 50% (năm mươi phần trăm) số tiền phí cưỡng chế phải nộp;

d) Người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế nhận đơn, xem xét, quyết định việc miễn, giảm chi phí cưỡng chế.

Trong trường hợp cơ quan ra quyết định cưỡng chế có quyết định miễn hoặc giảm chi phí cưỡng chế thì chi phí cưỡng chế sẽ được lấy từ kinh phí hoạt động của đơn vị.

Phần III

KHIẾU NẠI, TỐ CÁO

1. Cá nhân, tổ chức hoặc người đại

diện hợp pháp của họ có quyền khiếu nại về quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định áp dụng các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm việc xử lý vi phạm hành chính, quyết định cưỡng chế thi hành quyết định hành chính trong lĩnh vực hải quan.

2. Mọi công dân có quyền tố cáo về hành vi trái pháp luật trong xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng các biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định hành chính trong lĩnh vực hải quan.

3. Thẩm quyền, thủ tục, trình tự giải quyết khiếu nại, tố cáo thực hiện theo quy định tại Luật khiếu nại, tố cáo (đã được sửa đổi, bổ sung), Nghị định số 136/2006/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khiếu nại, tố cáo và Quyết định số 43/2007/QĐ-BTC ngày 04 tháng 6 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Phần IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan tổ chức và chỉ đạo việc xử lý vi phạm hành chính, cưỡng chế thi hành quyết định hành chính trong lĩnh vực hải quan; kiểm tra việc tuân thủ pháp luật và giải quyết khiếu nại để bảo đảm thực hiện

thống nhất trong toàn ngành, đúng quy định của pháp luật.

2. Thủ trưởng trực tiếp của người có thẩm quyền xử phạt có trách nhiệm tổ chức kiểm tra việc xử lý vi phạm hành chính của cấp dưới.

Cục trưởng Cục Hải quan, Cục trưởng Cục Điều tra chống buôn lậu, Cục trưởng Cục Kiểm tra sau thông quan thuộc Tổng cục Hải quan tổ chức kiểm tra chặt chẽ việc xử lý vi phạm hành chính tại đơn vị mình.

Tại các Chi cục Hải quan, Đội kiểm soát thuộc Cục Hải quan phải cử cán bộ chuyên theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra việc xử phạt vi phạm hành chính của các Đội nghiệp vụ.

3. Cán bộ, công chức hải quan có thẩm quyền xử phạt, áp dụng biện pháp ngăn chặn vi phạm hành chính và bảo đảm việc xử phạt vi phạm hành chính, cưỡng chế thi hành quyết định hành chính hoặc được giao nhiệm vụ tham mưu cho người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, cưỡng chế thi hành quyết định hành chính trong lĩnh vực hải quan có hành vi vi phạm quy định của pháp luật hoặc thiếu tinh thần trách nhiệm hay sách nhiễu, vụ lợi thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý nghiêm khắc theo quy định của pháp luật; nếu gây thiệt hại về vật chất cho cá nhân, tổ chức thì phải bồi thường.

4. Các mẫu ấn chỉ sử dụng trong quá trình xử phạt vi phạm hành chính, áp dụng các biện pháp ngăn chặn vi phạm hành chính và bảo đảm việc xử lý vi phạm hành chính, cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thực hiện theo Phụ lục đính kèm Thông tư này. Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan có trách nhiệm hướng dẫn việc sử dụng các mẫu ấn chỉ thống nhất trong toàn ngành.

5. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo. Bãi bỏ Thông tư số 14/2005/TT-BTC ngày 16 tháng 02 năm 2005 của Bộ

trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 138/2004/NĐ-CP ngày 17 tháng 6 năm 2004 của Chính phủ quy định việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan.

6. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc đề nghị các đơn vị, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu giải quyết./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Trương Chí Trung

Phụ lục

DANH MỤC MẪU BIÊN BẢN VÀ QUYẾT ĐỊNH SỬ DỤNG TRONG XỬ LÝ
VI PHẠM HÀNH CHÍNH VÀ CƯỜNG CHẾ THI HÀNH QUYẾT ĐỊNH
HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC HẢI QUAN

(kèm theo Thông tư số 62/2007/TT-BTC
ngày 14 tháng 6 năm 2007 của Bộ Tài chính)

1. Mẫu BB-HC1: Biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan.
2. Mẫu BB-HC2: Biên bản khám phương tiện vận tải, đồ vật theo thủ tục hành chính.
3. Mẫu BB-HC3: Biên bản khám người theo thủ tục hành chính.
4. Mẫu BB-HC4: Biên bản khám nơi cất giấu tài liệu, tang vật, phương tiện vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan.
5. Mẫu BB-HC5: Biên bản tạm giữ tài liệu, tang vật, phương tiện vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan.
6. Mẫu BB-HC6: Biên bản bàn giao người bị tạm giữ theo thủ tục hành chính.
7. Mẫu BB-HC7: Biên bản trả lại tài liệu, hàng hóa, phương tiện đã bị tạm giữ.
8. Mẫu BB-HC8: Biên bản tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan.
9. Mẫu BB-HC9: Biên bản niêm phong, mở niêm phong hải quan.
10. Mẫu BB-HC10: Biên bản bàn giao hồ sơ, tang vật, phương tiện vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan.
11. Mẫu BB-HC11: Biên bản làm việc.
12. Mẫu BB-HC12: Biên bản lấy lời khai.
13. Mẫu BB-HC13: Biên bản chứng nhận.
14. Mẫu BB-HC14: Biên bản chứng nhận đưa hàng hóa, vật phẩm, phương tiện ra khỏi Việt Nam hoặc tái xuất.
15. Mẫu BB-HC15: Biên bản tiêu hủy tang vật, phương tiện vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan.
16. Mẫu BB-HC16: Biên bản cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan.
17. Mẫu BB-HC17: Biên bản kê biên tài sản
18. Mẫu BB-HC18: Biên bản giao bảo quản tài sản kê biên.

19. Mẫu BB-HC19: Biên bản chuyển giao tài sản kê biên để bán đấu giá.

20. Mẫu BB-HC20: Biên bản đối thoại giải quyết khiếu nại Quyết định xử phạt VPHC.

21. Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hải quan ngoài lĩnh vực thuế.

22. Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hải quan trong lĩnh vực thuế.

23. Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan bằng hình thức phạt cảnh cáo.

24. Quyết định khám phương tiện vận tải, đồ vật theo thủ tục hành chính.

25. Quyết định khám nơi cất giấu tài liệu, tang vật, phương tiện vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan.

26. Quyết định khám người theo thủ tục hành chính.

27. Quyết định tạm giữ người theo thủ tục hành chính.

28. Quyết định tạm giữ tài liệu, tang vật, phương tiện vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan.

29. Quyết định trả lại tài liệu, hàng hóa, vật phẩm, phương tiện bị tạm giữ.

30. Quyết định tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính.

31. Quyết định về việc áp dụng biện

pháp cưỡng chế trích tiền từ tài khoản tiền gửi.

32. Quyết định về việc áp dụng biện pháp cưỡng chế khấu trừ một phần tiền lương hoặc một phần thu nhập.

33. Quyết định về việc áp dụng biện pháp cưỡng chế thu tiền, tài sản của đối tượng bị cưỡng chế do tổ chức, cá nhân khác đang giữ.

34. Quyết định về việc áp dụng biện pháp cưỡng chế kê biên tài sản, bán đấu giá tài sản kê biên.

35. Quyết định về việc áp dụng biện pháp cưỡng chế bằng các biện pháp khác.

36. Quyết định cưỡng chế về việc áp dụng biện pháp tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu.

37. Quyết định giải quyết khiếu nại quyết định xử phạt trong lĩnh vực hải quan.

38. Quyết định áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra trong trường hợp không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

39. Quyết định tạm đình chỉ thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan.

40. Quyết định hủy quyết định tạm đình chỉ thi hành quyết định xử phạt

vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan.

41. Quyết định hoãn chấp hành quyết định phạt tiền đối với cá nhân

42. Quyết định miễn xử phạt vi phạm hành chính.

43. Quyết định hủy quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

44. Quyết định không xử phạt vi phạm hành chính.

45. Quyết định đình chỉ thi hành các hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả.

46a. Thông báo về số tiền thuế nợ và tiền phạt chậm nộp.

46b. Thông báo về số tiền thuế nợ và tiền phạt chậm nộp.

47. Thông báo về việc tạm giữ người theo thủ tục hành chính.

(Xem tiếp Công báo số 484 + 485)

PHẦN I. VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**BỘ TÀI CHÍNH**

(Tiếp theo Công báo số 482 + 483)

**BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC HẢI QUAN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúcĐơn vị:.....⁽¹⁾

.....

Số:/BB-HC1

Sêri:.....

BIÊN BẢN
VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC HẢI QUAN
(Bản Hải quan lưu)

Hôm nay, hồi..... giờ..... ngày..... tháng..... năm..... tại

Chúng tôi gồm:

1. Chức vụ:..... Đơn vị

2. Chức vụ:..... Đơn vị

Tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan đối với:

Ông (Bà)/tổ chức⁽²⁾:

Năm sinh:..... Quốc tịch:.....

Địa chỉ:.....

Nghề nghiệp:.....

⁽¹⁾ Ghi rõ tên cơ quan của người có thẩm quyền lập biên bản.⁽²⁾ Ghi tên cá nhân hoặc tổ chức vi phạm.

Giấy CMND/hộ chiếu/Giấy phép KD (nếu có) số:

Người làm chứng hoặc người phiên dịch (nếu có):

Ông (Bà):

Quốc tịch:..... Địa chỉ:.....

Nghề nghiệp:..... Giấy CMND/hộ chiếu số:

Ngày cấp:..... Nơi cấp

Nội dung sự việc như sau:

09603514

Hành vi của:

Đã vi phạm:.....

.....

.....

.....

Xét cần thiết để ngăn chặn vi phạm, bảo đảm việc xử phạt, chúng tôi đã yêu cầu:

Ông (bà)/tổ chức

đình chỉ ngay hành vi vi phạm và áp dụng các biện pháp ngăn chặn hành chính sau đây⁽³⁾:

.....

theo Quyết định số:..... ngày..... tháng..... năm....., Biên bản số:

Yêu cầu ông (bà)/tổ chức..... đúng..... giờ..... ,
 ngày..... tháng..... năm..... đến trụ sở Hải quan
 để giải quyết đối với hành vi vi phạm trên.

Biên bản kết thúc hồi..... giờ..... cùng ngày; được lập thành 02 bản, mỗi bản
 gồm..... tờ, được đọc cho mọi người cùng nghe (đã đưa cho mỗi người tự đọc),
 công nhận là đúng, cùng ký tên vào từng trang và đã trao cho người vi phạm/đại
 diện tổ chức vi phạm 01 bản.

Ý kiến bổ sung khác nếu có:.....

.....

NGƯỜI VI PHẠM HOẶC ĐẠI DIỆN
 TỔ CHỨC VI PHẠM
 (Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN
 (Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI LÀM CHỨNG
 (Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN CHÍNH QUYỀN
 (nếu có)
 (Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI CÓ THẨM
 QUYỀN XP VPHC
 (Ký, ghi rõ họ tên)

⁽³⁾ Ghi các biện pháp ngăn chặn cần áp dụng, quyết định áp dụng các biện pháp ngăn chặn của cấp có thẩm quyền, số, ngày, tháng, năm của biên bản tạm giữ tang vật, phương tiện vận tải nếu áp dụng biện pháp tạm giữ tang vật phương tiện vi phạm.

BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC HẢI QUAN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đơn vị:.....⁽¹⁾

Số:/BB-HC1

Sêri:.....

BIÊN BẢN
VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC HẢI QUAN
(Bản giao cá nhân, tổ chức vi phạm)

Hôm nay, hồi..... giờ..... ngày..... tháng..... năm

Tại

Chúng tôi gồm:

1. Chức vụ:..... Đơn vị

2. Chức vụ:..... Đơn vị

Tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan đối với:

Ông (Bà)/ tổ chức⁽²⁾:

Năm sinh: Quốc tịch:.....

Địa chỉ:.....

Nghề nghiệp:.....

Giấy CMND/hộ chiếu/Giấy phép KD (nếu có) số:

Người làm chứng hoặc người phiên dịch (nếu có):

Ông (Bà):

Quốc tịch:..... Địa chỉ:.....

Nghề nghiệp:..... Giấy CMND/hộ chiếu số:

⁽¹⁾ Ghi rõ tên cơ quan của người có thẩm quyền lập biên bản.

⁽²⁾ Ghi tên cá nhân hoặc tổ chức vi phạm.

Nội dung sự việc như sau:

Đã vi phạm:.....

Xét cần thiết để ngăn chặn vi phạm, bảo đảm việc xử phạt, chúng tôi đã yêu cầu:

Ông (Bà)/tổ chức
 đình chỉ ngay hành vi vi phạm và áp dụng các biện pháp ngăn chặn hành chính sau
 đây ⁽³⁾:

.....

 theo Quyết định số:..... ngày..... tháng..... năm..... Biên bản số:.....

Yêu cầu ông (bà)/tổ chức..... đúng..... giờ..... ,
 ngày..... tháng..... năm..... đến trụ sở Hải quan tại
 để giải quyết đối với hành vi vi phạm trên.

Biên bản kết thúc hồi..... giờ..... cùng ngày; được lập thành 02 bản,
 mỗi bản gồm..... tờ, được đọc cho mọi người cùng nghe (đã đưa cho mỗi người
 tự đọc), công nhận là đúng, cùng ký tên vào từng trang và đã trao cho người vi
 phạm/đại diện tổ chức vi phạm 01 bản.

Ý kiến bổ sung khác nếu có:.....

026665514

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

NGƯỜI VI PHẠM HOẶC ĐẠI DIỆN
 TỔ CHỨC VI PHẠM
 (Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN
 (Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI LÀM CHỨNG
 (Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN CHÍNH QUYỀN
 (nếu có)
 (Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI CÓ THẨM
 QUYỀN XP VPHC
 (Ký, ghi rõ họ tên)

⁽³⁾ Ghi các biện pháp ngăn chặn cần áp dụng, quyết định áp dụng các biện pháp ngăn chặn của cấp có thẩm quyền, số, ngày, tháng, năm của biên bản tạm giữ tang vật, phương tiện vận tải nếu áp dụng biện pháp tạm giữ tang vật phương tiện vi phạm.

BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC HẢI QUAN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đơn vị:.....

(1)

Số:...../BB-HC2

BIÊN BẢN
KHÁM PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI, ĐỒ VẬT
THEO THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Căn cứ Quyết định khám phương tiện vận tải, đồ vật số..... ngày.....
tháng..... năm..... của

Hôm nay, hồi..... giờ..... ngày..... tháng..... năm..... tại

Chúng tôi gồm⁽²⁾:

1. Chức vụ:..... Đơn vị

2. Chức vụ:..... Đơn vị

Với sự chứng kiến của⁽³⁾:

1. Ông (Bà):..... Quốc tịch:

Địa chỉ:.....

Nghề nghiệp:.....

Giấy CMND/hộ chiếu số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp.....

2. Ông(Bà):.....Quốc tịch:

Địa chỉ:.....

Nghề nghiệp:.....

Giấy CMND (hoặc hộ chiếu) số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp.....

⁽¹⁾ Ghi rõ tên cơ quan của người có thẩm quyền lập biên bản.

⁽²⁾ Họ tên, chức vụ người lập biên bản.

⁽³⁾ Họ tên người làm chứng.

Tiến hành khám phương tiện vận tải, đồ vật của ông (bà)/tổ chức (hoặc do ông (bà) điều khiển))⁽⁴⁾:

Nghề nghiệp:

Địa chỉ:

Giấy CMND/hộ chiếu số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

Phương tiện vi phạm, đồ vật bị khám là⁽⁵⁾:

Phạm vi khám

Quá trình khám:

.....

Những tang vật vi phạm hành chính bị phát hiện gồm:

STT	Tên tang vật, phương tiện	Số lượng	Chủng loại, nhãn hiệu, xuất xứ, tình trạng ⁽⁶⁾	Ghi chú

Việc khám phương tiện vận tải (đồ vật) theo thủ tục hành chính kết thúc vào hồi..... ngày..... giờ..... tháng..... năm

Biên bản được lập thành 02 bản mỗi bản gồm....có nội dung và có giá trị như nhau. Chủ phương tiện vận tải, đồ vật/người điều khiển phương tiện vận tải được giao 01 bản.

Sau khi đọc lại biên bản, những người có mặt đồng ý về nội dung biên bản, cùng ký vào biên bản.

⁽⁴⁾ Ghi rõ họ tên chủ phương tiện vận tải, đồ vật hoặc người điều khiển phương tiện vận tải.

⁽⁵⁾ Ghi rõ tên phương tiện vận tải, đồ vật bị khám.

⁽⁶⁾ Ghi rõ loại phương tiện vận tải, đồ vật, số biển kiểm soát (nếu là phương tiện).

Ý kiến bổ sung khác (nếu có)⁽⁷⁾:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

CHỦ PTVT, ĐỒ VẬT
HOẶC NGƯỜI ĐIỀU KHIỂN PHƯƠNG TIỆN
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI THAM GIA KHÁM
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI CHỨNG KIẾN
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN
(Ký, ghi rõ họ tên)

09669514

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

⁽⁷⁾ Những người có ý kiến khác về nội dung biên bản phải tự ghi ý kiến của mình, lý do có ý kiến khác, ký và ghi rõ họ tên.

BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC HẢI QUAN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đơn vị.....

(1)

Số:...../BB-HC3

BIÊN BẢN
KHÁM NGƯỜI THEO THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Căn cứ Quyết định khám người theo thủ tục hành chính số:
ngày..... tháng..... năm..... do⁽²⁾
chức vụ..... ký

Hôm nay, hồi..... giờ..... ngày..... tháng..... năm....., tại

Chúng tôi gồm⁽³⁾:

1. Chức vụ:..... Đơn vị

2. Chức vụ:..... Đơn vị

Với sự chứng kiến của:

1. Ông (Bà):..... Quốc tịch:

Địa chỉ:..... Nghề nghiệp:.....

Giấy CMND/hộ chiếu số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp.....

2. Ông (Bà):..... Quốc tịch:

Địa chỉ:..... Nghề nghiệp:.....

Giấy CMND/hộ chiếu số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp.....

Tiến hành khám người và lập biên bản về việc khám người đối với:

Ông (Bà):..... Năm sinh

Nghề nghiệp

⁽¹⁾ Ghi rõ tên cơ quan của người có thẩm quyền lập biên bản.

⁽²⁾ Ghi họ tên, chức vụ của người ký quyết định khám người theo thủ tục hành chính.

⁽³⁾ Họ tên chức vụ người lập biên bản.

Địa chỉ:.....

Giấy CMND/hộ chiếu số:..... Ngày cấp..... Nơi cấp.....

Sau khi khám người, chúng tôi thu giữ được những đồ vật, tài liệu, phương tiện vi phạm hành chính như sau⁽⁴⁾:

STT	Tên đồ vật, tài liệu, phương tiện	Số lượng	Chủng loại, nhãn hiệu, xuất xứ	Ghi chú

Số đồ vật, tài liệu phương tiện trên được ông (bà) cất giấu tại (5)

Việc khám kết thúc vào hồi..... ngày..... giờ..... tháng..... năm.....

Biên bản được lập thành..... bản; mỗi bản gồm..... trang; có nội dung và có giá trị như nhau. Đã giao cho..... 01 bản và một bản lưu hồ sơ.

Sau khi đọc biên bản, những người có mặt đồng ý về nội dung biên bản, không có ý kiến gì khác và cùng ký vào biên bản.

Ý kiến bổ sung khác (nếu có)⁽⁶⁾:

.....

NGƯỜI BỊ KHÁM
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI KHÁM
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI CHỨNG KIẾN
(Ký, ghi rõ họ tên)

⁽⁴⁾ Nếu đồ vật, tài liệu, phương tiện nhiều, lập thành danh mục đính kèm. Danh mục phải có đầy đủ chữ ký của những người có tên trong biên bản.

⁽⁵⁾ Ghi rõ nơi cất giấu số đồ vật, tài liệu, phương tiện phát hiện được trong người.

⁽⁶⁾ Những người có ý kiến khác về nội dung biên bản phải tự ghi ý kiến của mình, lý do có ý kiến khác, ký và ghi rõ họ tên.

BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC HẢI QUAN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đơn vị:.....
.....⁽¹⁾

Số:...../BB-HC4

BIÊN BẢN
KHÁM NƠI CẤT GIẤU TÀI LIỆU, TANG VẬT, PHƯƠNG TIỆN
VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC HẢI QUAN

Căn cứ Quyết định khám nơi cất giấu tài liệu, tang vật, phương tiện vi phạm hành chính số:..... ngày..... tháng..... năm..... do..... chức vụ ký⁽²⁾;

Hôm nay, hồi..... giờ..... ngày..... tháng..... năm..... tại

Chúng tôi gồm:

1. Chức vụ..... Đơn vị

2. Chức vụ..... Đơn vị

Với sự chứng kiến của:

1. Ông (Bà):..... Quốc tịch:

Địa chỉ:.....

Nghề nghiệp:.....

Giấy CMND/hộ chiếu số:..... Ngày cấp..... Nơi cấp.....

2. Ông (Bà):..... Quốc tịch:

Địa chỉ:.....

Nghề nghiệp:.....

Giấy CMND/hộ chiếu số:..... Ngày cấp..... Nơi cấp.....

⁽¹⁾ Ghi rõ tên cơ quan của người có thẩm quyền lập biên bản.

⁽²⁾ Ghi họ tên, chức vụ của người ký quyết định.

Tiến hành khám⁽³⁾:

Là nơi cất giấu tài liệu, tang vật, phương tiện vi phạm hành chính.

Người chủ nơi bị khám là⁽⁴⁾:

Nghề nghiệp (lĩnh vực hoạt động):

Địa chỉ:

Giấy CMND số/Quyết định thành lập hoặc đăng ký kinh doanh số

Cấp ngày: tại

Quá trình khám

Sau khi khám chúng tôi phát hiện có những tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, gồm:⁽⁵⁾

STT	Tên tang vật, phương tiện	Số lượng	Chủng loại, nhãn hiệu, xuất xứ, tình trạng ⁽⁶⁾	Ghi chú ⁽⁷⁾

Việc khám kết thúc vào hồi..... ngày..... giờ..... tháng..... năm.....

Biên bản được lập thành..... bản; gồm..... trang; có nội dung và có giá trị như nhau. Đã giao cho 01 bản.

Sau khi đọc biên bản, những người có mặt đồng ý về nội dung biên bản và cùng ký vào biên bản.

⁽³⁾ Ghi rõ địa chỉ nơi bị khám.

⁽⁴⁾ Nếu chủ nơi bị khám vắng mặt thì ghi rõ họ tên người thành niên trong gia đình họ. Nếu nơi bị khám là tổ chức thì ghi rõ họ tên, chức vụ người đại diện cho tổ chức.

⁽⁵⁾ Nếu tang vật, tài liệu, phương tiện nhiều, lập thành danh mục đính kèm. Danh mục phải có đầy đủ chữ ký của những người có tên trong biên bản.

⁽⁶⁾ Nếu có phương tiện phải ghi rõ biển kiểm soát.

⁽⁷⁾ Ghi rõ tang vật, phương tiện có được niêm phong không, nếu có niêm phong thì trên niêm phong phải có chữ ký của người vi phạm, có sự chứng kiến của đại diện gia đình, đại diện tổ chức hay đại diện chính quyền.

Ý kiến bổ sung khác (nếu có) ⁽⁸⁾:

.....

.....

CHỦ NƠI BỊ KHÁM HOẶC
NGƯỜI THÀNH NIÊN TRONG GIA ĐÌNH
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI CHỨNG KIẾN ĐẠI DIỆN CHÍNH QUYỀN
(Ký, ghi rõ họ tên) (Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI RA QUYẾT
ĐỊNH TẠM GIỮ
(Ký, ghi rõ họ tên)

09669514

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

⁽⁸⁾ Những người có ý kiến khác về nội dung biên bản phải tự ghi ý kiến của mình, lý do có ý kiến khác, ký và ghi rõ họ tên.

BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC HẢI QUAN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đơn vị:.....

(1)

Số:...../BB-HC5

BIÊN BẢN
TẠM GIỮ TÀI LIỆU, TANG VẬT, PHƯƠNG TIỆN
VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC HẢI QUAN

Căn cứ Quyết định tạm giữ tài liệu, tang vật, phương tiện vi phạm hành chính
số:..... ngày..... tháng..... năm..... do.....
chức vụ..... ký⁽²⁾;

Hôm nay, hồi..... giờ..... ngày..... tháng..... năm..... tại

Chúng tôi gồm:

1. Chức vụ..... Đơn vị

2. Chức vụ..... Đơn vị

Tiến hành lập biên bản tạm giữ tài liệu, tang vật, phương tiện vi phạm hành
chính của:

Ông (Bà)/tổ chức:

Quốc tịch:.....

Địa chỉ:.....

Nghề nghiệp:.....

Với sự chứng kiến của:

1. Ông (Bà):..... Quốc tịch

Địa chỉ:.....

⁽¹⁾ Ghi rõ tên cơ quan của người có thẩm quyền lập biên bản.

⁽²⁾ Ghi họ tên, chức vụ của người ký quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính.

Nghề nghiệp:.....

Giấy CMND/hộ chiếu số:..... Ngày cấp..... Nơi cấp.....

2. Ông (Bà):..... Quốc tịch

Địa chỉ:.....

Nghề nghiệp:.....

Giấy CMND hoặc hộ chiếu số:..... Ngày cấp..... Nơi cấp

Tài liệu, tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tạm giữ gồm:

STT	Tên tài liệu, tang vật, phương tiện bị tạm giữ	Số lượng	Chủng loại, nhãn hiệu, xuất xứ, tình trạng tài liệu, tang vật, phương tiện ⁽³⁾	Ghi chú ⁽⁴⁾

Ngoài những tài liệu, tang vật, phương tiện nêu trên, chúng tôi không tạm giữ thêm thứ gì khác.

Biên bản kết thúc vào hồi..... ngày..... giờ..... tháng..... năm

Biên bản được lập thành..... bản; mỗi bản gồm..... trang; có nội dung và giá trị như nhau. Đã giao cho 01 bản.

Sau khi đọc biên bản, những người có mặt đồng ý về nội dung biên bản và cùng ký vào biên bản.

⁽³⁾ Nếu là phương tiện thì ghi rõ biển số kiểm soát.

⁽⁴⁾ Ghi rõ tang vật, phương tiện có được niêm phong không, nếu có niêm phong thì trên niêm phong phải có chữ ký của người vi phạm, có sự chứng kiến của người chứng kiến, đại diện tổ chức hay đại diện chính quyền(nếu có); Nếu hồ sơ, tang vật, phương tiện nhiều, lập thành danh mục đính kèm. Danh mục phải có đầy đủ chữ ký của những người có tên trong biên bản.

Ý kiến bổ sung khác (nếu có)⁽⁵⁾:

.....

.....

NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH TẠM GIỮ
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI VI PHẠM
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI CHỨNG KIẾN
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN CHÍNH QUYỀN (nếu có)
hoặc đại diện tổ chức vi phạm
(Ký, ghi rõ họ tên)

09669514

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

⁽⁵⁾ Những người có ý kiến khác về nội dung biên bản phải tự ghi ý kiến của mình, lý do có ý kiến khác, ký và ghi rõ họ tên.

BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC HẢI QUAN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đơn vị:.....

(1)

Số:...../BB-HC6

BIÊN BẢN
BÀN GIAO NGƯỜI BỊ TẠM GIỮ THEO THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Căn cứ Quyết định tạm giữ người theo thủ tục hành chính số:.....
ngày..... tháng..... năm..... của

Hôm nay, hồi..... giờ..... ngày..... tháng..... năm

Tại⁽²⁾

Đại diện bên giao gồm:

1. Chức vụ..... đơn vị

2. Chức vụ..... đơn vị

Đại diện bên nhận gồm:

1. Chức vụ..... đơn vị

2. Chức vụ..... đơn vị

Tiến hành bàn giao các ông, (bà) có tên sau đây:

1. Năm sinh..... Quốc tịch.....

2. Năm sinh..... Quốc tịch.....

3. Năm sinh..... Quốc tịch.....

4. Năm sinh..... Quốc tịch.....

⁽¹⁾ Ghi rõ tên cơ quan của người có thẩm quyền lập biên bản.

⁽²⁾ Ghi địa điểm tiến hành bàn giao người bị tạm giữ.

Biên bản kết thúc vào hồi..... ngày..... giờ..... tháng..... năm

Biên bản được lập thành..... bản; gồm..... trang; có nội dung và có giá trị như nhau. Đã giao cho 01 bản.

Sau khi đọc biên bản, những người có mặt đồng ý về nội dung biên bản và cùng ký vào biên bản.

Ý kiến bổ sung khác (nếu có)⁽³⁾:

ĐẠI DIỆN BÊN GIAO
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN
(Ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

09669514

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

⁽³⁾ Những người có ý kiến khác về nội dung biên bản phải tự ghi ý kiến của mình, lý do có ý kiến khác, ký và ghi rõ họ tên.

BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC HẢI QUAN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đơn vị:.....

(1)

Số:...../BB-HC7

BIÊN BẢN
TRẢ LẠI TÀI LIỆU, HÀNG HÓA, PHƯƠNG TIỆN BỊ TẠM GIỮ

Hôm nay, hồi..... giờ..... ngày..... tháng..... năm

Tại⁽²⁾

Chúng tôi gồm⁽³⁾:

1. Chức vụ..... Đơn vị

2. Chức vụ..... Đơn vị

Với sự chứng kiến của:

1. Ông (Bà):

Quốc tịch:.....

Địa chỉ:.....

Nghề nghiệp:.....

Giấy CMND (hoặc hộ chiếu) số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp.....

2. Ông (Bà):

Quốc tịch:.....

Địa chỉ:.....

Nghề nghiệp:.....

Giấy CMND/hộ chiếu số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp.....

⁽¹⁾ Ghi tên cơ quan của người có thẩm quyền lập biên bản.

⁽²⁾ Ghi địa điểm tiến hành trả lại tài liệu, hàng hóa, phương tiện bị tạm giữ.

⁽³⁾ Ghi tên người thực hiện việc trả lại tài liệu, hàng hóa, phương tiện.

Đã tiến hành trả lại tài liệu, hàng hóa, phương tiện bị tạm giữ theo quyết định trả lại tài liệu, hàng hóa, phương tiện bị tạm giữ số..... ngày... tháng.... năm... của

Cho Ông (Bà)/tổ chức⁽⁴⁾:.....

Quốc tịch:.....

Địa chỉ:.....

Nghề nghiệp:.....

Giấy CMND/hộ chiếu số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

Tài liệu, hàng hóa, phương tiện được trả lại gồm có⁽⁵⁾:

.....

Biên bản kết thúc vào hồi..... giờ..... ngày..... tháng..... năm

Biên bản được lập thành..... bản; mỗi bản gồm..... trang, có nội dung và giá trị như nhau. Đã giao cho 01 bản và một bản lưu hồ sơ.

Sau khi đọc biên bản, những người có mặt đồng ý về nội dung biên bản và cùng ký tên vào biên bản.

Ý kiến bổ sung khác (nếu có)⁽⁶⁾:

.....

ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI CHỨNG KIẾN

(Ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, ghi rõ họ tên)

⁽⁴⁾ Ghi tên người nhận lại tài liệu, hàng hóa, phương tiện.

⁽⁵⁾ Ghi tên gọi, số lượng, trình trạng (chất lượng) tài liệu, hàng hóa, phương tiện được trả lại. Nếu nhiều thì lập danh mục kèm theo và danh mục phải có đầy đủ chữ ký của những người có tên trong biên bản này.

⁽⁶⁾ Những người có ý kiến khác về nội dung biên bản phải tự ghi ý kiến của mình; lý do có ý kiến khác, ký và ghi rõ họ tên.

BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC HẢI QUAN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đơn vị:.....

(1)

Số:...../BB-HC8

BIÊN BẢN
TỊCH THU TANG VẬT, PHƯƠNG TIỆN
VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC HẢI QUAN

Căn cứ Quyết định⁽²⁾:..... ngày..... tháng..... năm..... do

Chức vụ..... ký⁽³⁾;

Hôm nay, hồi..... giờ..... ngày..... tháng..... năm..... tại

Chúng tôi gồm⁽⁴⁾:

1. Chức vụ..... Đơn vị

2. Chức vụ..... Đơn vị

Tiến hành lập biên bản tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính của:

Ông(bà)/tổ chức:..... Quốc tịch

Địa chỉ:.....

Nghề nghiệp:.....

Với sự chứng kiến của⁽⁵⁾:

1. Ông (bà)/tổ chức:..... Quốc tịch

Địa chỉ:.....

Nghề nghiệp:.....

Giấy CMND/hộ chiếu số:..... Ngày cấp..... Nơi cấp.....

⁽¹⁾ Ghi rõ tên cơ quan của người có thẩm quyền lập biên bản.

⁽²⁾ Ghi tên quyết định là quyết định xử phạt hoặc quyết định tịch thu hàng hóa, vật phẩm, phương tiện vi phạm hành chính về hải quan.

⁽³⁾ Ghi họ tên, chức vụ của người ký quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính.

⁽⁴⁾ Họ tên và chức vụ người lập biên bản.

⁽⁵⁾ Họ và tên người làm chứng. Nếu có đại diện chính quyền phải ghi rõ họ tên, chức vụ.

2. Ông (bà)/tổ chức:..... Quốc tịch.....

Địa chỉ:.....

Nghề nghiệp:.....

Giấy CMND/hộ chiếu số:..... Ngày cấp..... Nơi cấp.....

Tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu gồm:

STT	Tên hàng hóa tang vật, phương tiện bị tịch thu	Số lượng	Chủng loại, nhãn hiệu, xuất xứ, tình trạng tang vật, phương tiện ⁽⁶⁾	Ghi chú ⁽⁷⁾

Biên bản kết thúc vào hồi..... ngày..... giờ..... tháng..... năm

Biên bản được lập thành..... bản; mỗi bản gồm..... trang; có nội dung và giá trị như nhau. Đã giao cho 01 bản

Sau khi đọc biên bản, những người có mặt đồng ý về nội dung biên bản và cùng ký vào biên bản.

Ý kiến bổ sung khác (nếu có)⁽⁸⁾:

.....

NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH TỊCH THU

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI VI PHẠM

HOẶC ĐẠI DIỆN TỔ

CHỨC VI PHẠM

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI CHỨNG KIẾN

(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN CHÍNH QUYỀN

(nếu có)

(Ký, ghi rõ họ tên)

⁽⁶⁾ Nếu là phương tiện ghi thêm biển số đăng ký.

⁽⁷⁾ Ghi rõ hàng hóa tang vật, phương tiện có được niêm phong không, nếu có niêm phong thì trên niêm phong phải có chữ ký của người vi phạm, có sự chứng kiến của người chứng kiến, đại diện tổ chức hay đại diện chính quyền (nếu có); Nếu hồ sơ, tang vật, phương tiện nhiều, lập thành danh mục đính kèm. Danh mục phải có đầy đủ chữ ký của những người có tên trong biên bản.

⁽⁸⁾ Những người có ý kiến khác về nội dung biên bản phải tự ghi ý kiến của mình, lý do có ý kiến khác, ký và ghi rõ họ tên.

BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC HẢI QUAN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đơn vị:.....

(1)

Số:...../BB-HC9

BIÊN BẢN
NIÊM PHONG, MỞ NIÊM PHONG HẢI QUAN ⁽²⁾

Hôm nay, hồi..... giờ..... ngày..... tháng..... năm

Tại

Chúng tôi gồm:

1. Chức vụ:..... Đơn vị

2. Chức vụ:..... Đơn vị

Với sự chứng kiến của:

1. Ông (Bà):..... Quốc tịch:

Địa chỉ:..... Nghề nghiệp:.....

Giấy CMND/hộ chiếu số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp.....

2. Ông (Bà):..... Quốc tịch:

Địa chỉ:..... Nghề nghiệp:.....

Giấy CMND/hộ chiếu số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp.....

Tiến hành niêm phong, mở niêm phong⁽²⁾ hải quan số tài liệu, tang vật, phương tiện tạm giữ theo Quyết định số..... ngày..... tháng..... năm..... của

Chức vụ:..... Đơn vị

Số tài liệu, tang vật, phương tiện niêm phong (mở niêm phong) gồm⁽³⁾:

.....
.....

⁽¹⁾ Ghi rõ tên cơ quan của người có thẩm quyền lập biên bản.

⁽²⁾ Nếu chỉ niêm phong hải quan thì bỏ chữ "mở niêm phong" và ngược lại.

⁽³⁾ Ghi cụ thể tài liệu, tang vật, phương tiện niêm phong, mở niêm phong.

Số tang vật trên đã giao cho ông (bà)
thuộc đơn vị..... chịu trách nhiệm coi giữ và bảo quản.

Biên bản kết thúc vào hồi..... ngày..... giờ..... tháng..... năm

Biên bản được lập thành.....bản; mỗi bản gồm.....trang; có nội dung và có giá trị như nhau. Đã giao cho..... 01 bản.
Ngoài ra, biên bản này được gửi cho..... và một bản lưu hồ sơ.

Sau khi đọc biên bản, những người có mặt đồng ý về nội dung biên bản, không có ý kiến gì khác và cùng ký vào biên bản.

Ý kiến bổ sung khác (nếu có)⁽⁴⁾:

NGƯỜI CHỨNG KIẾN

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI GIỮ HÀNG

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI NIÊM PHONG,

MỞ NIÊM PHONG

(Ký, ghi rõ họ tên)

⁽⁴⁾ Những người có ý kiến khác về nội dung biên bản phải tự ghi ý kiến của mình, lý do có ý kiến khác, ký và ghi rõ họ tên.

BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC HẢI QUAN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đơn vị:.....

(1)

Số:...../BB-HC10

BIÊN BẢN

BÀN GIAO HỒ SƠ, TANG VẬT, PHƯƠNG TIỆN
VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC HẢI QUAN⁽²⁾

Hôm nay, hồi..... giờ..... ngày..... tháng..... năm

Tại

Chúng tôi gồm:

1. Chức vụ..... Đơn vị

2. Chức vụ..... Đơn vị

Đại diện bên giao.

Đã tiến hành giao hồ sơ, tang vật, phương tiện vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan của⁽³⁾ cho ông (bà) có tên sau đây:

1. Chức vụ..... Đơn vị

2. Chức vụ..... Đơn vị

Đại diện bên nhận.

HỒ SƠ GỒM:⁽⁴⁾

STT	Tên bút lục hồ sơ	Số trang	Ghi chú

⁽¹⁾ Ghi rõ tên cơ quan của người có thẩm quyền lập biên bản.

⁽²⁾ Nếu bàn giao hồ sơ thì xóa bỏ tang vật, phương tiện; và ngược lại.

⁽³⁾ Ghi tên người vi phạm, tổ chức vi phạm.

⁽⁴⁾ Nếu hồ sơ, tang vật, phương tiện nhiều, lập thành danh mục đính kèm. Danh mục phải có đầy đủ chữ ký của những người có tên trong biên bản.

TANG VẬT, PHƯƠNG TIỆN GỒM⁽⁵⁾

STT	Tên tang vật, phương tiện	Trọng lượng, số lượng	Ghi chú

Chúng tôi lập biên bản bàn giao hồ sơ, tang vật, phương tiện ghi trên để xử lý theo quy định

Đại diện bên nhận đã kiểm tra lại và nhận đầy đủ các hồ sơ, tang vật, phương tiện theo danh mục nêu trên.

Biên bản kết thúc vào hồi..... ngày..... giờ..... tháng..... năm

Biên bản được lập thành..... bản; mỗi bản gồm..... trang; có nội dung và có giá trị như nhau. Đã giao cho..... 01 bản và một bản lưu hồ sơ.

Sau khi đọc biên bản, những người có mặt đồng ý về nội dung biên bản và cùng ký vào biên bản.

Ý kiến bổ sung khác (nếu có)⁽⁶⁾:

ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN

(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN BÊN GIAO

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, ghi rõ họ tên)

⁽⁵⁾ Ghi rõ tên hàng, quy cách, chất lượng. Nếu hồ sơ, tang vật, phương tiện nhiều, lập thành danh mục đính kèm. Danh mục phải có đầy đủ chữ ký của những người có tên trong biên bản. Nếu hồ sơ, tang vật, phương tiện đã niêm phong, phải ghi rõ số, ký hiệu (hoặc chữ ký) ở niêm phong vào cột ghi chú.

⁽⁶⁾ Những người có ý kiến khác về nội dung biên bản phải tự ghi ý kiến của mình, lý do có ý kiến khác, ký và ghi rõ họ tên.

BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC HẢI QUAN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đơn vị:.....

.....⁽¹⁾

Số:...../BB-HC11

BIÊN BẢN LÀM VIỆC

Hôm nay, hồi..... giờ..... ngày..... tháng..... năm

Tại

Chúng tôi gồm:

1. Chức vụ..... Đơn vị

2. Chức vụ..... Đơn vị

Đã làm việc với:

1. Ông (Bà):..... Năm sinh

Quốc tịch:.....

Nghề nghiệp.....

Địa chỉ:.....

Giấy CMND/hộ chiếu số:..... Ngày cấp..... Nơi cấp.....

2. Ông (Bà):..... Năm sinh

Quốc tịch:.....

Nghề nghiệp:.....

Địa chỉ:.....

Giấy CMND/hộ chiếu số:..... Ngày cấp..... Nơi cấp.....

⁽¹⁾ Ghi rõ tên cơ quan của người có thẩm quyền lập biên bản.

Nội dung làm việc:

09669514

Biên bản kết thúc vào lúc..... giờ..... ngày..... tháng..... năm
Biên bản được lập thành..... bản; mỗi bản gồm..... trang; có nội dung và có giá trị như nhau. Đã giao cho..... 01 bản.

Sau khi đọc biên bản, những người có mặt đồng ý về nội dung biên bản và cùng ký vào biên bản.

Ý kiến bổ sung khác (nếu có) ⁽²⁾:

NGƯỜI THAM GIA LÀM VIỆC
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN
(Ký, ghi rõ họ tên)

⁽²⁾ Những người có ý kiến khác về nội dung biên bản phải tự ghi ý kiến của mình, lý do có ý kiến khác, ký và ghi rõ họ tên.

BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC HẢI QUAN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đơn vị:.....

(1)

Số:...../BB-HC12

BIÊN BẢN LẤY LỜI KHAI

Hôm nay, hồi..... giờ..... ngày..... tháng..... năm

Tại.....

Chúng tôi gồm:

1. Chức vụ..... Đơn vị

2. Chức vụ..... Đơn vị

Đã lấy lời khai của:⁽²⁾

Họ và tên:..... Năm sinh.....

Bí danh:..... Quốc tịch.....

Giấy CMND/hộ chiếu số:..... Ngày cấp..... Nơi cấp.....

Sinh quán:

Trú quán:

Nghề nghiệp:.....

Đơn vị công tác:.....

Họ, tên bố:⁽³⁾

Họ, tên mẹ:⁽³⁾

Họ, tên người giám hộ (nếu có)⁽⁴⁾

⁽¹⁾ Ghi rõ tên cơ quan của người có thẩm quyền lập biên bản.

⁽²⁾ Ghi rõ người vi phạm, người làm chứng hay người giám hộ.

^{(3),(4)} Ghi trong trường hợp người vi phạm là vị thành niên.

Địa chỉ:.....

Họ, tên người phiên dịch (nếu có):.....

Địa chỉ:.....

Hoàn cảnh gia đình:

.....

Tài sản:.....

Đã vi phạm pháp luật hải quan lần nào chưa:.....

.....

.....

.....

.....

HỎI VÀ ĐÁP

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

036655141

Biên bản kết thúc vào hồi..... ngày..... giờ..... tháng..... năm.....

Biên bản được lập thành..... bản; gồm..... trang; có nội dung và có giá trị như nhau, đã giao cho..... 01 bản.

Sau khi đọc biên bản, những người có mặt đồng ý về nội dung biên bản và cùng ký vào biên bản.

Ý kiến bổ sung khác (nếu có)⁽⁵⁾:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

NGƯỜI KHAI
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI LẤY LỜI KHAI
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI PHIÊN DỊCH
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI GIÁM HỘ
(Ký, ghi rõ họ tên)

⁽⁵⁾ Những người có ý kiến khác về nội dung biên bản phải tự ghi ý kiến của mình, lý do có ý kiến khác, ký và ghi rõ họ tên.

BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC HẢI QUAN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đơn vị:.....

(1)

Số:...../BB-HC13

BIÊN BẢN CHỨNG NHẬN

Hôm nay, hồi..... giờ..... ngày..... tháng..... năm

Tại

Chúng tôi gồm:

1. Chức vụ..... Đơn vị

2. Chức vụ..... Đơn vị

Với sự chứng kiến của:

1. Ông(bà):..... Năm sinh:

Quốc tịch:.....

Địa chỉ:.....

Nghề nghiệp:.....

Giấy CMND/hộ chiếu số:..... Ngày cấp..... Nơi cấp.....

2. Ông(bà):..... Năm sinh:

Quốc tịch:.....

Địa chỉ:.....

Nghề nghiệp:.....

Giấy CMND/hộ chiếu số:..... Ngày cấp..... Nơi cấp.....

Chúng nhận rằng⁽²⁾:

⁽¹⁾ Ghi rõ tên cơ quan của người có thẩm quyền lập biên bản.

⁽²⁾ Ghi nội dung sự việc cần chứng nhận.

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Biên bản kết thúc vào hồi..... ngày..... giờ..... tháng..... năm

Biên bản được lập thành..... bản; mỗi bản gồm..... trang; có nội dung như nhau

Đã giao cho 01 bản

Sau khi đọc biên bản, những người có mặt đồng ý về nội dung biên bản và cùng ký vào biên bản.

Ý kiến bổ sung khác (nếu có)⁽³⁾:

.....
.....
.....
.....
.....

NGƯỜI CHỨNG KIẾN
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN
(Ký, ghi rõ họ tên)

⁽³⁾ Những người có ý kiến khác về nội dung biên bản phải tự ghi ý kiến của mình, lý do có ý kiến khác, ký và ghi rõ họ tên.

09663514
Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com
LawSoft *

BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC HẢI QUAN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đơn vị:.....

(1)

Số:...../BB-HC14

BIÊN BẢN
CHỨNG NHẬN ĐƯA HÀNG HÓA, PHƯƠNG TIỆN
RA KHỎI VIỆT NAM HOẶC TÁI XUẤT

Hôm nay, hồi..... giờ..... ngày..... tháng..... năm

Tại

Chúng tôi gồm:

1. Chức vụ..... Đơn vị

2. Chức vụ..... Đơn vị

Với sự chứng kiến của

1. Ông (Bà):..... Quốc tịch

Địa chỉ:.....

Nghề nghiệp:.....

Giấy CMND/hộ chiếu số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp.....

2. Ông (Bà):..... Quốc tịch

Địa chỉ:.....

Nghề nghiệp:.....

Giấy CMND/hộ chiếu số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp.....

⁽¹⁾ Ghi rõ tên cơ quan của người có thẩm quyền lập biên bản.

Chứng nhận rằng⁽²⁾:

.....

Biên bản kết thúc vào hồi..... giờ..... ngày..... tháng..... năm

Biên bản được lập thành..... bản; mỗi bản gồm..... trang; có nội dung và có giá trị như nhau. Đã giao cho..... 01 bản.

Sau khi đọc biên bản, những người có mặt đồng ý về nội dung biên bản và cùng ký vào biên bản.

Ý kiến bổ sung khác (nếu có)⁽³⁾:

NGƯỜI VI PHẠM HOẶC
 NGƯỜI ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
 VI PHẠM
 (Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI CHỨNG KIẾN
 (Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN
 (Ký, ghi rõ họ tên)

⁽²⁾ Ghi đầy đủ quá trình tiến hành việc buộc đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam hoặc buộc tái xuất hàng hóa, vật phẩm, phương tiện.

⁽³⁾ Những người có ý kiến khác về nội dung biên bản phải tự ghi ý kiến của mình, lý do có ý kiến khác, ký và ghi rõ họ tên.

BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC HẢI QUAN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đơn vị:.....

(1)

Số:...../BB-HC15

BIÊN BẢN
TIÊU HỦY TANG VẬT, PHƯƠNG TIỆN
VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC HẢI QUAN

Căn cứ quyết định⁽²⁾..... số.....
ngày..... tháng..... năm..... của.....

Hôm nay, hồi..... giờ..... ngày..... tháng..... năm.....

Tại.....

Chúng tôi gồm:

1. Chức vụ..... Đơn vị.....

2. Chức vụ..... Đơn vị.....

3. Chức vụ..... Đơn vị.....

4. Chức vụ..... Đơn vị.....

.....

Với sự chứng kiến của:

1. Ông (bà):..... Quốc tịch.....

Địa chỉ:.....

Nghề nghiệp:.....

Giấy CMND/hộ chiếu số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp.....

2. Ông(bà):..... Quốc tịch.....

⁽¹⁾ Ghi rõ tên cơ quan của người có thẩm quyền lập biên bản.

⁽²⁾ Ghi tên quyết định.

Địa chỉ:.....

Nghề nghiệp:.....

Giấy CMND/hộ chiếu số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

Đã tiến hành tiêu hủy tang vật, phương tiện vi phạm hành chính sau đây⁽³⁾:

.....

Phương pháp tiêu hủy⁽⁴⁾:

.....

Biên bản kết thúc vào hồi..... ngày..... giờ..... tháng..... năm.....

Biên bản được lập thành..... bản; mỗi bản gồm..... trang; có nội dung và có giá trị như nhau. Đã giao cho..... 01 bản

Sau khi đọc biên bản, những người có mặt đồng ý về nội dung biên bản và cùng ký vào biên bản.

Ý kiến bổ sung khác (nếu có)⁽⁵⁾:

.....

NGƯỜI CHỨNG KIẾN

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN

(Ký, ghi rõ họ tên)

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TIÊU HỦY

(Ký, ghi rõ họ tên)

⁽³⁾ Ghi cụ thể tang vật, phương tiện bị tiêu hủy.

⁽⁴⁾ Ghi phương pháp tiêu hủy.

⁽⁵⁾ Những người có ý kiến khác về nội dung biên bản phải tự ghi ý kiến của mình, lý do có ý kiến khác, ký và ghi rõ họ tên.

BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC HẢI QUAN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đơn vị:.....

(1)

Số:...../BB-HC16

BIÊN BẢN
CƯỖNG CHẾ THI HÀNH QUYẾT ĐỊNH HÀNH CHÍNH
TRONG LĨNH VỰC HẢI QUAN

Hôm nay, hồi..... giờ..... ngày..... tháng..... năm

Tại:

Thực hiện Quyết định số:..... ngày..... tháng..... năm..... của

Chúng tôi gồm ⁽²⁾:

1. Chức vụ..... Đơn vị

2. Chức vụ..... Đơn vị

3. Chức vụ..... Đơn vị

4. Chức vụ..... Đơn vị

Với sự chứng kiến của:

1. Ông (Bà):..... Quốc tịch

Địa chỉ:.....

Nghề nghiệp:.....

Giấy CMND/hộ chiếu số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp.....

2. Ông (Bà):..... Quốc tịch

Địa chỉ:.....

Nghề nghiệp:.....

Giấy CMND/hộ chiếu số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp.....

⁽¹⁾ Ghi rõ tên cơ quan của người có thẩm quyền lập biên bản.

⁽²⁾ Ghi tên của những người tham gia thực hiện cưỡng chế thuộc cơ quan Hải quan và các cơ quan khác phối hợp theo quy định tại Điều 66 Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2002.

Đã tiến hành cưỡng chế theo thủ tục hành chính đối với:

Ông (bà)/tổ chức:⁽³⁾

Quốc tịch:.....

Địa chỉ:.....

Nghề nghiệp:.....

Giấy CMND/hộ chiếu số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp.....

Biện pháp cưỡng chế:

.....

Kết quả cưỡng chế như sau:

.....

Việc cưỡng chế kết thúc vào lúc..... giờ..... ngày..... tháng..... năm.....

Quá trình cưỡng chế đối với ông (bà)..... đã tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật.

Biên bản được lập thành..... bản; mỗi bản gồm..... trang; có nội dung và có giá trị như nhau. Đã giao cho..... 01 bản.

Sau khi đọc biên bản, những người có mặt đồng ý về nội dung biên bản và cùng ký vào biên bản.

Ý kiến bổ sung khác (nếu có)⁽⁴⁾:

.....

NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN PHỐI HỢP CƯỖNG CHẾ
(Ký, ghi rõ họ tên)

CÁ NHÂN HOẶC ĐẠI DIỆN
TỔ CHỨC BỊ CƯỖNG CHẾ
(Ký, ghi rõ họ tên)⁽⁵⁾

NGƯỜI CHỨNG KIẾN
(Ký, ghi rõ họ tên)⁽⁶⁾

⁽³⁾ Ghi rõ tên tổ chức/cá nhân bị cưỡng chế (địa chỉ, nghề nghiệp, ngày, tháng, năm sinh, số chứng minh thư, hộ chiếu ngày, tháng, năm cấp, nơi cấp).

⁽⁴⁾ Những người có ý kiến khác về nội dung biên bản phải tự ghi ý kiến của mình, lý do, ký và ghi rõ họ tên.

⁽⁵⁾⁽⁶⁾ Trường hợp cá nhân hoặc người đại diện tổ chức bị cưỡng chế, người chứng kiến từ chối ký tên, thì người lập biên bản phải ghi rõ lý do vào biên bản.

BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC HẢI QUAN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đơn vị:.....
.....⁽¹⁾

Số:...../BB-HC17

BIÊN BẢN
KÊ BIÊN TÀI SẢN

Hôm nay, hồi..... giờ..... ngày..... tháng..... năm

Tại ⁽²⁾

Chúng tôi gồm:

1. Chức vụ..... Đơn vị
2. Chức vụ..... Đơn vị
3. Chức vụ..... Đơn vị
4. Chức vụ..... Đơn vị

Với sự chứng kiến của:

1. Ông (Bà):..... Quốc tịch

Địa chỉ:.....

Nghề nghiệp:.....

Giấy CMND/hộ chiếu số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp.....

2. Ông (Bà):..... Quốc tịch

Địa chỉ:.....

Nghề nghiệp:.....

Giấy CMND/hộ chiếu số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp.....

Đã tiến hành kê biên tài sản theo quyết định cưỡng chế thi hành Quyết định hành chính số..... ngày..... tháng..... năm..... của.....

⁽¹⁾ Ghi tên cơ quan của người có thẩm quyền lập biên bản.

⁽²⁾ Ghi địa điểm tiến hành kê biên tài sản.

Đối với Ông (Bà)/tổ chức ⁽³⁾:

Quốc tịch:

Địa chỉ:

Nghề nghiệp:

Giấy CMND/hộ chiếu số: Ngày cấp: Nơi cấp:

Tài sản kê biên gồm có ⁽⁴⁾:

.....

.....

Việc kê biên tài sản kết thúc vào lúc..... giờ..... ngày..... tháng..... năm

Quá trình kê biên tài sản của ông (bà)/tổ chức
đã tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật.

Biên bản được lập thành 02 bản; mỗi bản gồm..... trang; có nội dung và có giá trị như nhau. Đã giao cho..... 01 bản.

Sau khi đọc biên bản, những người có mặt đồng ý về nội dung biên bản và cùng ký vào biên bản.

Ý kiến bổ sung khác (nếu có) ⁽⁵⁾:

NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI TỔ CHỨC THỰC HIỆN CUỒNG CHẾ
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN PHỐI HỢP CUỒNG CHẾ
(Ký, ghi rõ họ tên)

CÁ NHÂN HOẶC ĐẠI DIỆN
TỔ CHỨC BỊ CUỒNG CHẾ
(Ký, ghi rõ họ tên)⁽⁶⁾

NGƯỜI CHỨNG KIẾN
(Ký, ghi rõ họ tên)⁽⁶⁾

⁽³⁾ Ghi tên và các thông tin liên quan đến tổ chức, cá nhân bị kê biên tài sản như: địa chỉ, nghề nghiệp, quốc tịch, số chứng minh thư hoặc hộ chiếu...

⁽⁴⁾ Ghi tài sản bị kê biên, trong đó nêu rõ: mô tả tên gọi, tình trạng, đặc điểm của từng tài sản bị kê biên.

⁽⁵⁾ Những người có ý kiến khác về nội dung biên bản phải tự ghi ý kiến của mình, lý do có ý kiến khác, ký và ghi rõ họ tên.

⁽⁶⁾ Trường hợp cá nhân hoặc người đại diện tổ chức bị cuồng chế, người chứng kiến từ chối ký, thì người lập biên bản phải ghi rõ lý do vào biên bản.

BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC HẢI QUAN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đơn vị:.....

(1)

Số:...../BB-HC18

BIÊN BẢN
GIAO BẢO QUẢN TÀI SẢN KÊ BIÊN

Hôm nay, hồi..... giờ..... ngày..... tháng..... năm

Tại⁽²⁾

Chúng tôi gồm:

1. Chức vụ..... Đơn vị

2. Chức vụ..... Đơn vị

Đại diện bên giao

Với sự chứng kiến của:

1. Ông (Bà):..... Quốc tịch

Địa chỉ:.....

Nghề nghiệp:.....

Giấy CMND/hộ chiếu số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp.....

2. Ông (Bà):..... Quốc tịch

Địa chỉ:.....

Nghề nghiệp:.....

Giấy CMND/hộ chiếu số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp.....

⁽¹⁾ Ghi tên cơ quan của người có thẩm quyền lập biên bản.

⁽²⁾ Ghi địa điểm tiến hành giao bảo quản tài sản kê biên.

Sau khi đọc biên bản, những người có mặt đồng ý về nội dung biên bản và cùng ký vào biên bản.

Ý kiến bổ sung khác (nếu có)⁽⁴⁾:

ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN BÊN GIAO
(Ký, ghi rõ họ tên)

CÁ NHÂN HOẶC ĐẠI DIỆN
TỔ CHỨC BỊ CƯỖNG CHẾ
(Ký, ghi rõ họ tên)⁽⁵⁾

NGƯỜI CHỨNG KIẾN
(Ký, ghi rõ họ tên)⁽⁵⁾

09669514

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

⁽⁴⁾ Những người có ý kiến khác về nội dung biên bản phải tự ghi ý kiến của mình, lý do có ý kiến khác, ký và ghi rõ họ tên.

⁽⁵⁾ Trường hợp cá nhân hoặc người đại diện tổ chức bị cưỡng chế, người chứng kiến từ chối ký, thì người lập biên bản phải ghi rõ lý do vào biên bản.

BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC HẢI QUAN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đơn vị:.....

(1)

Số:...../BB-HC19

BIÊN BẢN
CHUYỂN GIAO TÀI SẢN KÊ BIÊN ĐỂ BÁN ĐẤU GIÁ

Hôm nay, hồi..... giờ..... ngày..... tháng..... năm

Tại ⁽²⁾

Chúng tôi gồm:

1. Chức vụ..... Đơn vị

2. Chức vụ..... Đơn vị

Đại diện bên giao

Với sự chứng kiến của:

1. Ông (Bà):..... Quốc tịch

Địa chỉ:.....

Nghề nghiệp:.....

Giấy CMND/hộ chiếu số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp.....

2. Ông (Bà):..... Quốc tịch

Địa chỉ:.....

Nghề nghiệp:.....

Giấy CMND/hộ chiếu số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp.....

⁽¹⁾ Ghi tên cơ quan của người có thẩm quyền lập biên bản.

⁽²⁾ Ghi địa điểm tiến hành chuyển giao tài sản kê biên.

Đã tiến hành chuyển giao tài sản kê biên để bán đấu giá theo Quyết định kê biên tài sản số..... ngày..... tháng..... năm..... của

Cho ông (bà)/tổ chức:

Quốc tịch:.....

Địa chỉ:.....

Nghề nghiệp:.....

Giấy CMND/hộ chiếu số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

Đại diện bên nhận

Tài sản kê biên chuyển giao gồm có ⁽³⁾:

.....

.....

.....

.....

Hồ sơ gồm có ⁽⁴⁾:.....

.....

.....

.....

.....

Việc chuyển giao tài sản kê biên kết thúc vào hồi... giờ... ngày... tháng... năm

Biên bản được lập thành..... bản; mỗi bản gồm..... trang; có nội dung và có giá trị như nhau. Đã giao cho..... 01 bản.

Sau khi đọc biên bản, những người có mặt đồng ý về nội dung biên bản và cùng ký vào biên bản.

⁽³⁾ Ghi tên gọi, số lượng, tình trạng (chất lượng) tài sản kê biên; Đối với phương tiện thì phải ghi rõ biển kiểm soát. Nếu nhiều thì lập danh mục kèm theo và danh mục phải có đầy đủ chữ ký của những người có tên trong biên bản.

⁽⁴⁾ Ghi cụ thể hồ sơ bàn giao (tên bút lục, số trang, tình trạng...).

Ý kiến bổ sung khác (nếu có)⁽⁵⁾:

.....

.....

.....

ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN BÊN GIAO
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI CHỨNG KIẾN
(Ký, ghi rõ họ tên)

09669514

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

⁽⁵⁾ Những người có ý kiến khác về nội dung biên bản phải tự ghi ý kiến của mình, lý do có ý kiến khác, ký và ghi rõ họ tên.

BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC HẢI QUAN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đơn vị:.....

(1)

Số:...../BB-HC20

BIÊN BẢN
ĐỐI THOẠI GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI

Hôm nay, hồi..... giờ..... ngày..... tháng..... năm

Tại⁽²⁾

Chúng tôi gồm:

1. Chức vụ..... Đơn vị

2. Chức vụ..... Đơn vị

Đã tiến hành đối thoại với:

1. Ông(Bà):..... Năm sinh:

Quốc tịch:.....

Địa chỉ:.....

Nghề nghiệp:.....

Giấy CMND hoặc hộ chiếu số:..... Ngày cấp..... Nơi cấp

2. Ông(Bà):..... Năm sinh:

Quốc tịch:.....

Địa chỉ:.....

Nghề nghiệp:.....

Giấy CMND hoặc hộ chiếu số:..... Ngày cấp..... Nơi cấp

⁽¹⁾ Ghi rõ tên cơ quan của người có thẩm quyền lập biên bản.

⁽²⁾ Ghi địa điểm tiến hành đối thoại.

[illegible]

05669514

Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

LawSoft

.....

.....

.....

.....

NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN
(Ký, ghi rõ họ tên)

⁽⁴⁾ Những người có ý kiến khác về nội dung biên bản phải tự ghi ý kiến của mình, lý do có ý kiến khác, ký và ghi rõ họ tên.

Mẫu QĐ-21

BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC HẢI QUAN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đơn vị:.....

.....⁽¹⁾

.....⁽²⁾, ngày..... tháng..... năm.....

Số:.....QĐ-⁽³⁾

QUYẾT ĐỊNH
XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH VỀ HẢI QUAN
NGOÀI LĨNH VỰC THUẾ

.....⁽⁴⁾

Căn cứ Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2002.

Căn cứ Điều..... Nghị định số 97/2007/NĐ-CP ngày 07/6/2007 của Chính phủ quy định việc xử lý vi phạm hành chính và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính trong lĩnh vực hải quan

Căn cứ

Căn cứ biên bản vi phạm hành chính số..... ngày..... tháng..... năm

do..... lập

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xử phạt vi phạm hành chính đối với:

Ông (Bà)/tổ chức:

.....

⁽¹⁾ Ghi rõ tên cơ quan của người có thẩm quyền ra quyết định.

⁽²⁾ Ghi địa danh hành chính cấp tỉnh.

⁽³⁾ Ghi chữ viết tắt tên cơ quan ban hành Quyết định.

⁽⁴⁾ Ghi thẩm quyền ban hành quyết định.

Quốc tịch:.....

Địa chỉ:.....

.....

Nghề nghiệp:.....

Giấy CMND (hoặc hộ chiếu) số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:

Với các hình thức sau:

1. Hình thức xử phạt chính:

.....

.....

2. Hình thức xử phạt bổ sung (nếu có):

.....

.....

.....

.....

3. Các biện pháp khắc phục hậu quả (nếu có):

.....

.....

.....

.....

.....

Vì đã có hành vi vi phạm hành chính:⁽⁵⁾

.....

.....

.....

.....

Điều 2. Trong thời hạn mười ngày, kể từ ngày được giao quyết định xử phạt, ông (bà)/tổ chức.....

..... phải nghiêm chỉnh chấp hành quyết định xử phạt này.

Quá thời hạn này, nếu ông(bà)/tổ chức không chấp hành Quyết định xử phạt thì bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại Điều 66, Pháp lệnh

⁽⁵⁾ Nếu có nhiều hành vi thì ghi cụ thể từng hành vi vi phạm.

xử lý vi phạm hành chính, Điều 37 Nghị định số 97/2007/NĐ-CP ngày 07/6/2007 của Chính phủ quy định việc xử lý vi phạm hành chính và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính trong lĩnh vực hải quan.

Số tiền phạt quy định tại Điều 1 phải nộp vào tài khoản số:
của Kho bạc Nhà nước⁽⁶⁾

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được quyết định xử phạt, ông (bà)/tổ chức..... có quyền khiếu nại đối với Quyết định này theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày..... tháng..... năm⁽⁷⁾

Trong thời hạn ba ngày, Quyết định này được gửi cho:

1. Ông (bà)/tổ chức..... để chấp hành.
2. Kho bạc Nhà nước..... để thu tiền phạt.

Nơi nhận:

- Như Điều 3..... bản;
- Lưu..... bản.

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

⁽⁶⁾ Ghi tên, địa chỉ KBNN.

⁽⁷⁾ Ngày ký Quyết định hoặc ngày do người có thẩm quyền xử phạt quyết định.